

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGÔ THỊ TUYẾT THANH

**CHÍNH SÁCH HÌNH SỰ VIỆT NAM
ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI:
KHÍA CẠNH SO SÁNH**

Ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự

Mã số: 8380104

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
GS.TS VÕ KHÁNH VINH**

HÀ NỘI -2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi.
Các nội dung và trích dẫn trong luận văn này bảo đảm độ tin cậy,
chính xác.

Những kết luận khoa học của luận văn kế thừa từ các tác giả khác
đều được trích đầy đủ.

Tác giả luận văn

Ngô Thị Tuyết Thanh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ SO SÁNH CHÍNH SÁCH HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI.....	8
1.1. Khái niệm về chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ...	8
1.2. Nội dung của chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.	18
CHƯƠNG 2: LỊCH SỬ CHÍNH SÁCH HÌNH SỰ VIỆT NAM ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI ĐƯỢC THỂ HIỆN TRONG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ QUA CÁC GIAI ĐOẠN.	33
2.1. Chính sách pháp luật hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội giai đoạn trước năm 1985.....	33
2.2. Chính sách pháp luật hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ở giai đoạn từ năm 1985 – đến năm 1999.	40
2.3. Chính sách pháp luật hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ở giai đoạn từ năm 2015 cho đến nay	49
CHƯƠNG 3: SO SÁNH CHÍNH SÁCH HÌNH SỰ VIỆT NAM ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI QUA CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ	55
3.1. So sánh chính sách pháp luật hình sự Việt Nam về đường lối xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội qua các giai đoạn phát triển của pháp luật hình sự	55
3.2. So sánh chính sách pháp luật hình sự về tội phạm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội qua các giai đoạn phát triển của pháp luật hình sự	62
3.3. So sánh chính sách pháp luật hình sự về hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội qua các giai đoạn phát triển của pháp luật hình sự	66
3.4. Những giải pháp hoàn thiện chính sách pháp luật hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.....	74
KẾT LUẬN	78
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	80

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CSHS	Chính sách hình sự
BLHS	Bộ luật Hình sự
NCTN	Người chưa thành niên
TNHS	Trách nhiệm hình sự

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việc chăm sóc và bảo vệ trẻ em là nhiệm vụ của toàn xã hội và cũng là nhiệm vụ chung của nhân loại. Như Bác Hồ đã dạy “Trẻ em hôm nay là thế giới ngày mai” Vì thế việc chăm sóc tới thế hệ trẻ chính là việc tạo ra kết quả của xã hội trong tương lai. Để đảm bảo vấn đề con người và những vấn đề về quyền con người luôn được toàn thế giới quan tâm. Cùng chung mục đích đó Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng đã xây dựng những chính sách để bảo vệ con người vì Nhà nước ta đã coi con người chính là mục tiêu và cũng là động lực của sự phát triển đất nước. Trẻ em (hay còn gọi là thanh thiếu niên- người dưới 18 tuổi) là đối tượng được toàn xã hội quan tâm. Với quan điểm nhất quán trong việc bảo vệ trẻ em, Nhà nước Việt nam đã ghi nhận việc bảo vệ trẻ em trong các văn bản pháp luật như Hiến pháp, Luật Bảo vệ, chăm sóc và Giáo dục trẻ em(năm 2004). Ngoài ra Việt Nam còn tham gia vào các Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em, và đã thúc đẩy việc hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo vệ quyền trẻ em. Nội dung của Công ước đã dành sự quan tâm đặc biệt cho đối tượng trẻ em vi phạm pháp luật, nhất là những trường hợp người chưa thành niên phạm tội.

Chính sách hình sự của Nhà nước ta đối với việc truy cứu trách nhiệm hình sự với người chưa thành niên phạm tội là nhằm giúp đỡ, cải tạo, giáo dục để tạo điều kiện cho các em nhận thức đúng đắn hơn đối với hành vi của mình. Giúp các em nhận ra sai lầm, từ đó sửa chữa những sai lầm do hành vi của mình gây ra, để tạo điều kiện cho các em có khả năng tái hòa nhập cộng đồng. Vì thế những chính sách hình sự Việt Nam đối với người chưa thành niên phạm tội cũng không nằm ngoài mục đích trên. Trong luận văn này sẽ nghiên cứu các chính sách hình sự Việt nam đối với người chưa thành niên phạm tội với tư cách là chủ thể tội phạm.

Người chưa thành niên là người chưa phát triển hoàn thiện cả về thể lực và trí lực, bởi thế việc nghiên cứu chính sách pháp luật hình sự áp dụng khi họ có hành vi phạm tội là hết sức cần thiết. Có được những chính sách pháp luật đúng sẽ có ảnh hưởng quan trọng tới sự phát triển toàn diện và giúp người chưa thành niên phạm

tội trở thành người có ích cho xã hội, bởi nhất thời khi họ chưa hiểu biết đã có những hành vi phạm tội. Bên cạnh những đặc điểm mà người dưới 18 tuổi phạm tội họ chưa phát triển hoàn thiện về thể lực và trí lực thì Bộ luật hình sự năm 2015 đã dành một chương (chương XII) để qui định về những vấn đề đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Chính sách hình sự Việt nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa những sai lầm, phát triển lành mạnh để trở thành công dân có ích cho xã hội. Các chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đã thể hiện tính nhân đạo của pháp luật nước ta.

Xuất phát từ những tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt đó, các chính sách hình sự áp dụng với người dưới 18 tuổi phạm tội trong Bộ luật Hình sự của nước ta đều nhằm mục đích giáo dục, uốn nắn, răn đe những hành vi lệch lạc giúp họ thấy được sai lầm của mình mà tự giác sửa chữa những sai lầm đó với sự giúp đỡ của gia đình, nhà trường và xã hội. Kế thừa nguyên tắc nhân đạo nêu trên, Luật Hình sự năm 2015 đã có những sửa đổi trong chính sách hình sự đối với dưới 18 tuổi phạm tội, nhằm để bảo vệ quyền lợi tối đa của người dưới 18 tuổi phạm tội. Điều này có nghĩa là, trong trường hợp nếu thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt thì Tòa án có thể áp dụng những biện pháp tư pháp. Bởi khi các cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp tư pháp đối với người CTN phạm tội sẽ không để lại án tích đối với họ.

Tuy nhiên việc xây dựng và thực hiện chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội còn tồn tại những điểm hạn chế như: Hiệu quả áp dụng các chính sách chưa cao, đối tượng bị áp dụng và gia đình người bị áp dụng cũng như địa phương nơi người phạm tội dưới 18 tuổi sinh sống còn chưa chấp hành tốt. Bởi xuất phát từ những tư tưởng chưa đúng đắn, họ coi đó không phải là hình phạt nên việc áp dụng các biện pháp tư pháp còn lỏng lẻo. Bên cạnh đó việc đưa người phạm tội dưới 18 tuổi vào trường giáo dưỡng để họ tập trung học tập, cải tạo chưa đạt kết quả cao, vì còn hạn chế về nhiều mặt (từ cơ sở vật chất đến quy mô đào tạo và chương trình đào tạo..).

Vì vậy để tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là vấn đề quan trọng và cần thiết, đây chính là lý do tôi lựa chọn đề tài: “ *Chính sách hình sự Việt nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội: Khía cạnh so sánh*” làm luận văn tốt nghiệp cao học cho mình.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Vấn đề Chính sách hình sự Việt nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là một nội dung trong chính sách pháp luật hình sự. Để hướng tới cái nhìn nhân văn khi xây dựng chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong việc xây dựng phạm vi chịu trách nhiệm hình sự và các chính sách xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội thường được tập trung vào các vấn đề sau:

- Tình hình người dưới 18 tuổi phạm tội;
- Nghiên cứu tới vai trò của gia đình, nhà trường, các đoàn thể tham gia vào việc giáo dục người người dưới 18 tuổi phạm tội;
- Nghiên cứu việc thi hành các chế tài đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của pháp luật tố tụng Hình sự;
- Nghiên cứu các quy định của Bộ luật hình sự năm 1985, năm 1999 và Bộ luật hình sự năm 2015 đối với vấn đề nguyên tắc xử lý và những quy định về hình phạt, biện pháp tư pháp đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Đã có những công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp với chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội như sau:

+ *Các biện pháp tư pháp trong bộ luật Hình sự năm 1999 và vấn đề hoàn thiện bộ luật tố tụng hình sự về trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp đó*, của TS Phạm Hồng Hải, tạp chí Luật học, số 5/2000 [15]

+ *Thi hành các biện pháp tư pháp không phải là hình phạt*, của PGS.TS Hồ Sĩ Sơn tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 4/2004; [33]

+ *Chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội của một số nước trên thế giới và liên hệ ở Việt Nam*, Tiến sĩ Hoàng Minh Đức, tạp chí khoa học giáo dục cảnh sát nhân dân tháng 10/2015; [13]

+ *Chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học của TS Hoàng Minh Đức, Học viện Khoa học xã hội năm 2016; [14]

+ Áp dụng chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, của Trịnh Đình Thế, Nxb Tư pháp, Hà Nội 2006[25]

+ “Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội” thuộc giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung) của GS.TS Võ Khánh Vinh Nxb Khoa học xã hội năm 2014[34]

+ “Chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội” thuộc giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung) của GS.TS Võ Khánh Vinh Nxb Công an nhân dân năm 2005 [33]

+ “Chính sách hình sự trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam” TS. Phạm Văn Lợi chủ biên, Nxb Tư pháp, năm 2007 [20]

+ Luật học so sánh. Giáo trình sau đại học. GS.TS Võ Khánh Vinh Nxb Khoa học xã hội Hà Nội năm 2015[35]

Các công trình nghiên cứu khoa học trên đã đưa ra những giải pháp, chính sách hình sự đối với vấn đề người chưa thành niên phạm tội. Tuy nhiên, cho tới nay chưa có công trình nghiên cứu nào nghiên cứu ở khía cạnh so sánh về chính sách Hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ở mức độ Luận văn thạc sĩ. Do đó với tư cách là cán bộ giảng viên dạy môn “Pháp luật đại cương” trong trường Đại học Điện Lực tôi mạnh dạn nghiên cứu đề tài này. Nhằm góp phần tốt cho công tác giảng dạy giáo dục ý thức pháp luật cho học sinh, sinh viên. Góp phần vào việc nghiên cứu đấu tranh phòng và đấu tranh các trường hợp do người dưới 18 tuổi phạm tội.

Bên cạnh đó luận văn còn so sánh các chính sách pháp luật hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được ghi nhận ở các giai đoạn phát triển của pháp luật như: trước năm 1985 và Bộ luật hình sự năm 1985, Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi năm 2017. Để thấy được điểm đổi mới trong chính sách phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích của nghiên cứu

Mục đích của luận văn là làm sáng tỏ về mặt lý luận cũng như nội dung cơ bản của chính sách pháp luật hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ở khía cạnh so sánh giữa Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật Hình sự năm 2015 có sửa đổi năm 2017, để đưa ra những giải pháp, kiến nghị góp phần vào việc hoàn thiện chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của Pháp luật hình sự nước ta.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để việc nghiên cứu đạt được mục đích trên thì luận văn cần phải giải quyết được những vấn đề sau:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về so sánh chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội: Khái niệm về chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; Đặc điểm của chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; Nội dung của chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

- Phân tích lịch sử chính sách hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được thể hiện trong các quy định của pháp luật hình sự qua các giai đoạn: Chính sách pháp luật hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ở giai đoạn trước năm 1985; Chính sách pháp luật hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ở giai đoạn từ năm 1985 – đến năm 1999; Chính sách pháp luật hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ở giai đoạn từ năm 2015 cho tới nay.

- So sánh chính sách hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội qua các giai đoạn phát triển của pháp luật hình sự: So sánh về đường lối xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; So sánh về tội phạm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; So sánh về hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; Những giải pháp để hoàn thiện chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những vấn đề lý luận của Chính sách hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ở khía cạnh xây dựng pháp luật hình sự. Từ đó so sánh giữa hai Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật Hình sự năm 2015 có sửa đổi bổ sung năm 2017.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu chủ yếu là chính sách hình sự ở nghĩa hẹp đó là: *chính sách pháp luật hình sự (Chính sách về tội phạm và chính sách về hình phạt trong phạm vi đối với người dưới 18 tuổi phạm tội)* chứ không nghiên cứu tất cả những vấn đề của CSHS; (Chính sách về phòng ngừa tội phạm, chính sách về Tổ tụng hình sự và chính sách về thi hành án hình sự). Những vấn đề lý luận áp dụng các quy định của pháp luật Hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo qui định của pháp luật hình sự Việt Nam ở khía cạnh luật so sánh. Từ đó đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để đạt kết quả cao.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.; Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam,; về Nhà nước và pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa; Việt Nam về; đường lối đổi mới đất nước. Luận văn được trình bày trên cơ sở của nghiên cứu của luật Hình sự và luật tố tụng hình sự, tội phạm học, tâm lý xã hội học thông qua những văn bản quy phạm pháp luật khác nhau.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu luận văn đã sử dụng phương pháp luận chung và phương pháp nghiên cứu cụ thể: Phương pháp phân tích tài liệu, phương pháp so sánh chính sách pháp luật, phương pháp tổng hợp chính sách pháp luật, phương pháp thống kê chính sách pháp luật...

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Luận văn sử dụng phương pháp luận chung và phương pháp nghiên cứu cụ thể để làm sáng tỏ về mặt khoa học của từng vấn đề về chính sách pháp luật hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận văn đã rút ra ý nghĩa về mặt thực tiễn là làm tài liệu tham khảo giúp việc giảng dạy nâng cao ý thức pháp luật cho học sinh, sinh viên khỏi không chuyên để họ có cái nhìn và nhận thức đúng về pháp luật. Nội dung luận văn phân tích và so sánh một cách cụ thể và toàn diện các quy định của pháp luật về chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Từ đó phân tích, so sánh đánh giá chi tiết từng điều kiện đồng thời có sự so sánh với chính sách hình sự đối với người phạm tội dưới 18 tuổi. Đồng thời đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách để phù hợp với tình hình phát triển của xã hội đầy lùi và hạn chế số lượng người phạm tội dưới 18 tuổi. Tiếp tục tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm ở độ tuổi vị thành niên nói riêng.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo nội dung của luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về so sánh chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Chương 2: Lịch sử chính sách hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được thể hiện trong các quy định của pháp luật hình sự qua các giai đoạn

Chương 3: So sánh chính sách hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội qua các giai đoạn phát triển của pháp luật hình sự.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ SO SÁNH CHÍNH SÁCH HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI

1.1. Khái niệm về chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

1.1.1. Khái niệm chính sách pháp luật hình sự

a. Khái niệm chính sách hình sự

Một trong những mục tiêu cũng như nhiệm vụ cấp thiết mà Đảng và Nhà nước ta luôn trăn trở quan tâm và đề cập đến trong các kỳ họp đó chính là đấu tranh phòng chống tội phạm. Để làm được nhiệm vụ này một cách có hiệu quả, Nhà nước cần hoạch định ra một chính sách hình sự đúng đắn, phù hợp. Chính sách hình sự là một bộ phận của chính sách pháp luật nói chung và là chính sách pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự nói riêng của một nhà nước có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Cụ thể, một chính sách hình sự đúng đắn và tiến bộ sẽ góp phần ổn định trật tự xã hội ổn định tâm lý tinh thần của nhân dân. Khi có sự bảo vệ chặt chẽ của pháp luật, bản thân người dân của một đất nước sẽ yên tâm sản xuất, kinh doanh và làm việc, từ đó thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế. Chính vì vậy, mặc dù chỉ điều chỉnh trong lĩnh vực tư pháp hình sự nhưng chính sách hình sự gián tiếp giúp các chính sách pháp luật ở các lĩnh vực khác phát huy được hiệu quả của nó trong đời sống xã hội.

Trước đây, quan niệm như thế nào là chính sách hình sự đã được nhiều tác giả quan tâm, đề cập trong sách, báo pháp lý và trong các công trình luận văn, luận án. Tuy nhiên, giữa các quan điểm đó lại không có sự khác nhau về nội dung cốt lõi của khái niệm chính sách hình sự. Đại diện cho quan niệm rất rộng về chính sách hình sự cho rằng chính sách hình sự không chỉ bao gồm chính sách của Nhà nước mà còn bao gồm cả chính sách của Đảng. Theo đó, chính sách hình sự được quan niệm là “*toàn bộ những quan điểm, quan niệm của Đảng và Nhà nước ta về tội phạm, hình phạt, về phương hướng xây dựng và hoàn thiện pháp luật hình sự cũng như những phương hướng tổ chức đấu tranh và chống tội phạm trong thực tiễn*”[19]. Quan niệm hẹp hơn về chính sách hình sự xác định chính sách hình sự là chính sách của Nhà nước, cụ thể đó “*là những quan điểm, tư tưởng chủ đạo của*

Nhà nước trong hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm”[16]; “*những định hướng, chủ trương sử dụng pháp luật hình sự trong đấu tranh phòng chống tội phạm*”[32] hay nói cách khác “*là chính sách về tội phạm và về tổ chức đấu tranh phòng, chống tội phạm*”[32]. Trong công trình này, tác giả tiếp cận khái niệm chính sách hình sự theo hướng là “*chính sách của Nhà nước đối với đấu tranh phòng, chống tội phạm bằng biện pháp pháp luật hình sự nhằm đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội*”[17]. Dù tiếp cận dưới những góc độ, khía cạnh khác nhau, với quan niệm về phạm vi rộng, hẹp khác nhau song các quan điểm đều thừa nhận chính sách hình sự là một phần của chính sách xã hội nói chung thể hiện quan điểm, định hướng, tư tưởng của Đảng và Nhà nước về đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự qua từng giai đoạn lịch sử nhằm đảm bảo xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội, sâu xa hơn nữa nhằm giáo dục những người công dân tinh thần thượng tôn pháp luật bên cạnh các chuẩn mực đạo đức xã hội, bởi công dân chính là nhân tố quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của một quốc gia, nhất là trong thời kỳ dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Chính sách hình sự có thể được thể hiện ở nhiều loại văn bản khác nhau nhưng ở Việt Nam hiện nay, chính sách hình sự được thể hiện tập trung nhất, rõ nhất và cụ thể nhất trong Bộ luật hình sự (BLHS) hiện hành. Đồng thời, BLHS cũng là cơ sở pháp lý để giải thích, tuyên truyền và thực hiện chính sách hình sự trong thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm. Chính sách hình sự phải được thực hiện ở cả ba quá trình, từ xây dựng pháp luật để giải thích pháp luật và thực thi pháp luật. Xây dựng pháp luật hay còn gọi là hoạt động lập pháp chính là hoạt động quy phạm hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về một lĩnh vực, chính vì vậy, việc xây dựng, sửa đổi bổ sung BLHS qua các thời kỳ chính là biểu hiện cụ thể nhất cho những chỉnh lý, thay đổi trong chính sách pháp luật hình sự nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trên thực tế và các yêu cầu chung của quốc tế.

Chính sách hình sự nhà nước ta được cấu thành bởi bốn loại chính sách: Chính sách phòng ngừa tội phạm, chính sách pháp luật hình sự, chính sách pháp

luật tố tụng hình sự và chính sách pháp luật thi hành án hình sự. Trong đó, chính sách pháp luật hình sự là những phương hướng có tính chất chỉ đạo, chiến lược của Đảng và Nhà nước trong cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm.

Nhìn chung, chính sách hình sự của Nhà nước ta thể hiện sự nhân đạo, nghiêm trị kết hợp khoan hồng, mang tính phân hóa cao không chỉ về hành vi, mức độ nguy hiểm của tội phạm mà cả sự phân hóa rõ nét trong đối tượng áp dụng. Điều này được quy định cụ thể trong từng chế định Luật hình sự.

b. Khái niệm chính sách pháp luật hình sự

Như đã trình bày ở trên, chính sách pháp luật hình sự là một bộ phận cấu thành của chính sách hình sự nhằm xác định những phương hướng cơ bản có tính chất chỉ đạo của Nhà nước xuyên suốt các hoạt động xây dựng pháp luật hình sự, giải thích và thực thi pháp luật hình sự, đảm bảo sự ổn định của hệ thống pháp luật hình sự, tăng cường việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của con người, cũng như các lợi ích hợp pháp của xã hội và của nhà nước bằng pháp luật hình sự.

Chính sách pháp luật hình sự của nước ta được thể hiện trong các văn bản pháp luật mà rõ nét nhất là BLHS và các văn bản hướng dẫn thi hành. Các quy định tại những văn bản này vừa thể chế hoá chính sách hình sự vừa là biện pháp thực hiện chính sách hình sự trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Trong khi mối quan hệ giữa chính sách hình sự, chính sách pháp luật hình sự và mục tiêu bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội là bất biến, không thay đổi theo thời gian, theo các giai đoạn phát triển khác nhau của Nhà nước và xã hội thì các bộ phận của mối quan hệ đó lại luôn luôn có những điều chỉnh hay thay đổi nhất định. Yêu cầu đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở mỗi giai đoạn phát triển của Nhà nước và xã hội Việt Nam là khác nhau tùy thuộc vào sự đòi hỏi của việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội và nhiệm vụ đối ngoại của Nhà nước cũng như tùy thuộc vào điều kiện, mức độ phát triển của xã hội và tình hình tội phạm. Những yêu cầu về đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội quyết định những thay đổi về chính sách hình sự và từ đó chi phối sự cải cách hay sửa đổi của pháp luật hình sự.

Nhìn chung, yêu cầu đối với chính sách pháp luật hình sự được thể hiện ở những điểm sau:

Thứ nhất, cần có sự nhận thức đúng đắn về tính chất và đặc điểm của các quan hệ xã hội cũng như các đòi hỏi cấp bách của xã hội về sự cần thiết đến mức độ nào trong việc điều chỉnh về mặt pháp luật hình sự các quan hệ xã hội trong lĩnh vực này.

Thứ hai, không ngừng hoàn thiện và đảm bảo tính ổn định của hệ thống pháp luật hình sự bằng các cơ chế dân chủ và công khai, minh bạch trong hoạt động lập pháp để bổ sung vào pháp luật hình sự hiện hành của quốc gia các quy phạm hoặc các chế định pháp lý tiến bộ và nhân đạo được thừa nhận chung của quốc tế, trên cơ sở lĩnh hội các nguyên tắc của hoạt động tư pháp hình sự trong nhà nước pháp quyền.

Thứ ba, xuất phát từ sự nhận thức trên, đồng thời trên cơ sở các luận chứng khoa học khách quan, có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục phải cố gắng đến mức tối đa để quy định rõ ràng trong pháp luật hình sự thực định: Các giới hạn của việc tội phạm hoá và phi tội phạm hoá. Các căn cứ của việc hình sự hoá và phi hình sự hoá. Các hình thức trách nhiệm hình sự khác nhau với sự đa dạng các biện pháp cưỡng chế về hình sự, xây dựng được các cơ chế tạo ra sự thuận tiện khi áp dụng các biện pháp đó trong thực tiễn.

1.1.2. Đặc điểm của chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Từ khái niệm chính sách hình sự nói trên, có thể hiểu *chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là hệ thống các quan điểm, phương hướng có tính chỉ đạo, chiến lược của Đảng và Nhà nước trong quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, trong việc sử dụng hệ thống pháp luật hình sự đó vào thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện, nhằm phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật các loại tội phạm do đối tượng này thực hiện*. Cũng như chính sách hình sự dành cho mọi đối tượng nói chung, chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là cơ sở cho việc bảo đảm và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của họ, giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm và trở thành công dân có ích cho xã hội; mặt khác cũng tạo điều kiện tối đa để bảo đảm cho người dưới 18 tuổi sự phát triển một cách tự nhiên, lành mạnh nhất có thể điều này tạo nên điểm khác biệt so với chính sách hình sự dành cho người thành niên phạm tội.

Đứng ở góc độ bộ phận; cấu thành, chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được hoạch định với nền tảng dựa trên chính sách xã hội nói chung và chính sách pháp luật nói riêng. Bởi là một khía cạnh của chính sách hình sự nói chung nên chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cũng bao gồm bốn loại chính sách cấu thành là: chính sách phòng ngừa tội phạm và ba loại chính sách pháp luật tương ứng với ba ngành luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự – chính sách pháp luật hình sự, chính sách pháp luật tố tụng hình sự, chính sách pháp luật thi hành án hình sự. Ngoài ra, chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội còn được thể hiện thông qua nguyên tắc, quan điểm và đường lối xử lý. Như vậy, nội hàm chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội rất rộng, bao hàm hầu hết mọi lĩnh vực có liên quan đến việc phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lý, thi hành án, tái hòa nhập cộng đồng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Chính sách hình sự nói chung và chính sách pháp luật hình sự nói riêng được áp dụng đối với đối tượng hoặc nhóm đối tượng mang tính đặc thù xuất phát từ chính những đặc điểm đặc thù của đối tượng. Như vậy, chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội sẽ gắn liền với một bộ phận đối tượng đặc thù là người chưa đủ 18 tuổi hay còn gọi là trẻ em, người chưa thành niên (NCTN).

Gần một thế kỉ qua, cộng đồng quốc tế luôn dành cho người dưới 18 tuổi nói chung và trẻ em nói riêng những sự quan tâm đặc biệt, sự quan tâm đó được thể hiện trong hàng trăm văn kiện quốc tế vẫn còn giá trị thời sự và tính nhân văn cho tới thời điểm hiện tại và là kim chỉ nam cho pháp luật dành cho NCTN của biết bao quốc gia trên thế giới. Có thể dẫn ra những văn bản như: Tuyên ngôn thế giới về quyền; con người năm 1948. Tuyên ngôn của Liên hợp quốc về quyền trẻ em năm 1959 Tuyên ngôn bảo vệ mọi người không bị tra tấn nhục hình và đối xử hoặc trừng trị vô nhân đạo năm 1975 Tuyên ngôn về bảo vệ những người khỏi sự cưỡng bức đưa đi mất tích năm 1982 Công ước chống sự tra tấn, nhục hình và đối xử hoặc trừng phạt vô nhân đạo năm 1984 Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em năm 1989; Quy tắc tối thiểu phổ biến của Liên hợp quốc về việc áp dụng pháp luật đối với vị thành niên (hay còn gọi là Quy tắc Bắc Kinh) được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua năm 1985; Quy tắc chỉ đạo Riát về phòng ngừa NCTN phạm pháp được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua năm 1990; Quy tắc của Liên hợp

quốc về bảo vệ NCTN bị tước quyền tự do được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua năm 1990; Tuyên ngôn thế giới về sự sống còn, bảo vệ và phát triển của trẻ em năm 1990 và Kế hoạch hành động thực hiện Tuyên ngôn thế giới về sự sống còn, bảo vệ và phát triển của trẻ. Trong các văn bản pháp lý quốc tế nêu trên Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em xuất phát từ tinh thần chung là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em, bảo đảm sự phát triển lành mạnh của trẻ em đã đề cập đến một số vấn đề cơ bản của tư pháp NCTN.

Cụ thể, Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em năm 1989 nêu rõ: “Trẻ em do còn non nớt về thể chất và trí tuệ, cần được bảo vệ và chăm sóc đặc biệt, kể cả sự bảo vệ thích hợp về mặt pháp lý trước cũng như sau khi ra đời”[10]. Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em đề cao quyền lợi tốt nhất của trẻ em trong mọi hoàn cảnh và nghĩa vụ của các quốc gia thành viên phải làm như vậy. Công ước kêu gọi phải có sự bảo vệ đặc biệt cho trẻ em bị tước đoạt môi trường gia đình và bảo vệ trẻ em khỏi bị cha mẹ hoặc bất kỳ ai lạm dụng, sao nhãng xác định trẻ em có quyền được học hành và có mức sống đầy đủ, có quyền được vui chơi giải trí và được bảo vệ khỏi bị bóc lột về kinh tế, tình dục và các loại bóc lột khác. Công ước còn đề cập đến nhu cầu bảo vệ chống lại sự đối xử phân biệt trong việc áp dụng pháp luật với người dưới 18 tuổi đến việc bảo vệ và thực hiện các quyền của trẻ em làm trái pháp luật hay nói tới các quyền của trẻ em bị tước quyền tự do, quyền của trẻ em bị quy là phạm tội

Người dưới 18 tuổi phạm tội hay NCTN phạm tội là một hiện tượng, một thực tế tồn tại ở tất cả các quốc gia trên thế giới. Mỗi quốc gia đều giải quyết vấn đề này theo những mức độ, cách thức khác nhau tùy thuộc vào những điều kiện, tập quán và pháp luật của mỗi nước. Một hoạt động mà các nước trên toàn cầu đang nỗ lực thực hiện là tìm mọi cách bảo đảm hệ thống tư pháp NCTN tuân thủ theo đúng pháp luật quốc tế về quyền con người. Cùng với xu thế đó, các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta về xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội luôn luôn có sự tiếp thu những quan điểm, tinh thần tiến bộ của luật pháp quốc tế. Việt Nam còn là quốc gia đi đầu về thực hiện Quyền trẻ em trong gần 30 năm qua. Ở Việt Nam, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, quan điểm xuyên suốt thể hiện trong đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước là luôn coi con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực

của sự phát triển đất nước, trong đó trẻ em, người dưới 18 tuổi được ví như măng non, là nguồn hạnh phúc của gia đình, tương lai của dân tộc, chủ nhân kế tục sự nghiệp;phát triển đất nước. Đối với người dưới 18 tuổi, quan điểm của Nhà nước ta là chú trọng tạo điều kiện thuận lợi nhất để các em có thể phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần, thực sự xứng đáng là chủ nhân của đất nước, tương lai của dân tộc, là lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Có thể thấy rõ được tinh thần này qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung phát triển năm 2011). Cụ thể, trong Cương lĩnh đã nhấn mạnh: “...*Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động, và học tập; của thanh niên, thiếu niên,; giáo dục và bảo vệ trẻ em...*”. Điều 37 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 xác định: “*Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục được tham gia vào các vấn đề về trẻ em*”. Bên cạnh đó, việc thông qua và thực hiện Luật trẻ em trong hai năm qua là một bước tiến quan trọng, có ý nghĩa tăng cường bảo vệ quyền trẻ em qua việc tập trung vào những lợi ích tốt nhất của họ. Điều 5 Luật Trẻ em năm 2016 quy định: “...*Không phân biệt đối xử với trẻ em. Bảo; đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em trong các quyết định liên quan đến trẻ em. Tôn trọng, lắng nghe, xem xét, phản hồi ý kiến, nguyện vọng của trẻ em...*”. Trên bình diện chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta, thì Hiến pháp và; pháp luật luôn coi người dưới 18 tuổi là đối tượng cần bảo vệ, chăm sóc và quan tâm đặc biệt trong cả hai trường hợp khi họ là chủ thể của tội phạm cũng như khi họ là nạn nhân của tội phạm. Chính vì vậy, chính sách pháp luật hình sự của Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được xây dựng dựa trên những điểm đặc thù của nhóm đối tượng này.

Trước hết, người dưới 18 tuổi hay còn được gọi là NCTN là người chưa phát triển đầy đủ, toàn diện về thể lực, trí tuệ, tinh thần; cũng như chưa có đầy đủ quyền và nghĩa vụ công dân. Chính vì vậy mà họ có những đặc điểm riêng về tâm lý, chính những đặc điểm riêng biệt này chi phối đến quá trình xây dựng chính sách pháp luật hình sự của nước ta. Cụ thể:

Về khía cạnh tâm lý: Người dưới 18 tuổi là người đang trong quá trình phát triển cả về sinh lý, tâm lý và ý thức. Những người dưới 18 tuổi, đặc biệt từ giai đoạn 14 tuổi trở lên thường được gọi là người ở độ tuổi “bẻ gãy sừng trâu” tâm sinh lý

chưa ổn định, nhân cách chưa hoàn thiện, nhận thức về các vấn đề xã hội còn hạn chế, thậm chí sai lệch. Những đối tượng này; thường có tính cách nông nổi, hiếu thắng, liều lĩnh, khó tự kiểm chế bản thân khi có các yếu tố của ngoại cảnh tác động, dễ dẫn đến manh động và có các hành vi bạo lực để đối phó, chống trả trước tác động của ngoại cảnh có thiên hướng bất chước cả những sai trái của người lớn. Dạng tâm lý này còn được hiểu là nhu cầu độc lập, muốn tự khẳng định cái “tôi” của mình. Ở lứa tuổi này, nhu cầu độc lập thái quá thường biểu hiện ra bên ngoài dưới dạng các hành vi như ngang bướng, cố chấp, dễ tự ái, gây gổ. Ngoài ra, nhu cầu tìm hiểu, khám phá cái mới cũng là một trong những nhu cầu của các em ở lứa tuổi chưa thành niên. Tuy vậy, sự tò mò và khám phá cái mới lại trở thành một trong những nguyên nhân chính dẫn tới hành vi phạm tội của các em.

Về nhận thức pháp luật: khả năng nhận thức về pháp luật của người dưới 18 tuổi còn nhiều hạn chế. Một phần không nhỏ những đối tượng này thực hiện hành vi phạm tội chỉ để thỏa mãn nhu cầu không đúng đắn của cá nhân, không quan tâm đến những hậu quả xảy ra là nguy hiểm cho xã hội. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, có thể là do người dưới 18 tuổi chưa có nhiều trải nghiệm, và vấp để nhận thức được đúng – sai, phải – trái, nhưng nguyên nhân chủ yếu vẫn là những thiếu sót, hạn chế trong công tác giáo dục hiểu biết pháp luật của gia đình, nhà trường và xã hội.

Từ những đặc điểm nêu trên có thể thấy nhóm người dưới 18 tuổi phạm tội là nhóm chủ thể rất đặc biệt so với nhóm chủ thể là người đủ 18 tuổi (hay còn gọi là người đã thành niên). Các quy định pháp luật hình sự chính vì lý do trên mà cần phải có sự phân hóa rõ ràng để phù hợp với đặc thù của từng đối tượng, người dưới 18 tuổi hay NCTN sẽ được hưởng những chính sách pháp luật hình sự khác nhau nhưng về tinh thần chung vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của việc xử lý hình sự, đảm bảo được mục đích, ý nghĩa của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Hơn 30 năm qua, chính sách pháp luật hình sự của nước ta luôn có những chế định riêng dành cho NCTN phạm tội. Ở các giai đoạn khác nhau, nội dung các quy định cụ thể có thể khác nhau nhưng nhìn chung chúng đều được xây dựng trên cơ sở cân nhắc các yếu tố gắn với đặc thù của NCTN phạm tội [21]. Chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội có một số dấu hiệu đặc trưng

chung của; chính sách pháp luật gồm dấu hiệu ý chí của Đảng, Nhà nước và mệnh lệnh quyền lực, tính chất liên kết và chính thức, tính hệ thống, tính nền tảng, tính quan niệm tổng thể, tính hiện thức, tính chất công, tính năng động và tính ổn định, tính kế hoạch, sự phụ thuộc vào các nhân tố của môi trường bên ngoài và bên trong và các dấu hiệu khác[14]. Đồng thời, các quy định của pháp luật hình sự cũng hướng đến việc nâng cao chất lượng của đời sống pháp luật của xã hội, hoàn thiện pháp luật hình sự, hướng đến sự thay đổi tiến bộ của hệ thống pháp luật hình sự, đến sự phát triển pháp luật hình sự tương ứng của xã hội và hướng đến việc nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật của công dân.

Từ những phân tích nêu trên, tác giả cho rằng, chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là hệ thống các quy định pháp luật hình sự về việc xác định tội phạm, đường lối xử lý và hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, trên cơ sở những quan điểm, phương hướng có tính chỉ đạo, chiến lược của Đảng và Nhà nước trong quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, trong việc sử dụng hệ thống pháp luật hình sự đó vào thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện, nhằm phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật các loại tội phạm do nhóm đối tượng này thực hiện.

Xuất phát từ khái niệm trên, chúng ta có thể chỉ ra những đặc điểm nổi bật của chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội như sau:

Thứ nhất, đó là hệ thống các quy định pháp luật hình sự về đường hướng xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, được ấn định trong các văn bản pháp luật hình sự mà trọng tâm là Bộ luật Hình sự và các Nghị định hướng dẫn thi hành, trong đó BLHS là công cụ chủ yếu thực hiện chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Nó là sự cụ thể hóa những nguyên tắc cơ bản để xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được ghi nhận trong các văn kiện của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, thông qua việc quy định về cơ sở của trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự cũng như hình phạt, hệ thống hình phạt và các căn cứ, điều kiện áp dụng từng loại hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Việc trực tiếp ghi nhận những nội dung quan trọng này trong BLHS là một trong những điều kiện cần thiết bảo đảm sự thắng lợi của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Chỉ khi

đó công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm mới được tiến hành trong khuôn khổ luật pháp, đảm bảo tính nghiêm minh, pháp chế và duy trì sự ổn định của trật tự pháp luật. Điều đó một mặt góp phần bảo đảm vai trò quản lý xã hội của Nhà nước, mặt khác góp phần thiết lập các cơ chế ghi nhận và bảo đảm quyền cũng như lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi phạm tội không bị xâm hại bởi bất kỳ lý do không chính đáng nào.

Thứ hai, chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là sự cụ thể hóa các quan điểm có tính chỉ đạo, chiến lược của Đảng, Nhà nước trong đấu tranh phòng, chống tội phạm đối với đối tượng phạm tội là nhóm người dưới 18 tuổi hay còn gọi là NCTN. Chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thể hiện rõ nét sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với việc xây dựng một nền tư pháp công bằng, văn minh, dân chủ và nhân đạo, trong đó con người và giá trị cơ bản của con người là trung tâm phải nhận được sự bảo đảm và bảo vệ tuyệt đối từ phía các cơ quan công quyền và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, đặc biệt là quyền của người dưới 18 tuổi phạm tội.

Thứ ba, chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi được biểu hiện thông qua các nội dung như: cơ sở của việc hình thành tội phạm, bao gồm việc quy định độ tuổi và những hành vi cấu thành tội phạm khi hành vi đó do người dưới 18 tuổi thực hiện; nguyên tắc xử lý hình thức trách nhiệm hình sự tương ứng thông qua hệ thống các hình phạt hay các biện pháp tư pháp được áp dụng trong từng trường hợp miễn trách nhiệm hình sự... Những quy định này phần nào phản ánh mức độ phản ứng; của Nhà nước, của xã hội đối với tội phạm và người phạm tội là người dưới 18 tuổi. Khác với người đã thành niên phạm tội, khi người dưới 18 tuổi có hành vi phạm tội; thì bao giờ cũng phải đặt vấn đề trách nhiệm pháp lý của các đối tượng đó trong mối; quan hệ với trách nhiệm chăm; sóc, bảo vệ, giáo dục của xã hội; của gia đình và nhà trường. Thực tiễn cho thấy; ở người dưới 18 tuổi, sự phát triển về mặt tâm sinh lý khác hoàn toàn so với người đã thành niên. Như đã phân tích ở trên, độ tuổi từ 14 đến dưới 18 tuổi là độ tuổi của những chuyển biến cả về thể chất lẫn tinh thần, là thời kỳ diễn ra những xáo trộn lớn về tư duy, tình cảm và có sự biến đổi mạnh mẽ, rõ rệt về cấu tạo cơ thể và những chức năng sinh lý. Mặt khác, dù nhóm đối tượng này chịu sự quản lý, chăm sóc và giáo dục từ gia đình và

nhà trường chặt chẽ hơn người đã thành niên, song thực tế cho thấy chính sự bảo bọc quá kĩ càng mà quên mất trang bị các kiến thức, kĩ năng sống cần thiết cho người dưới 18 tuổi khiến họ khi gặp các tình huống bất lợi trong cuộc sống thường không đủ bản lĩnh cũng như kiến thức, kinh nghiệm để hành động đúng, nên dễ có những hành vi sai phạm nói chung và phạm tội nói riêng... Chính vì vậy, khi người dưới 18 tuổi phạm tội, chúng ta cần coi họ là nạn nhân hơn là người có lỗi. Lỗi của người dưới 18 tuổi phạm tội lúc này được san sẻ cho cả gia đình, nhà trường và xã hội, do đó bản thân gia đình, nhà trường và xã hội cũng cần có trách nhiệm phối hợp tích cực với nhau, tạo mọi điều kiện cho họ được sửa sai hơn là trừng phạt nghiêm khắc. Sự mềm dẻo này được khoa học chứng minh là phát huy tác dụng rất lớn trong việc giúp người chưa thành niên tự từ bỏ được những hành vi sai phạm này.

Thứ tư, chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi thể hiện rõ quan điểm, tư tưởng của của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là xu hướng ngày một nhân đạo hơn trong xây dựng và thi hành pháp luật hình sự. Bên cạnh việc vẫn giữ những quy định mang tính chất ưu tiên cho người dưới 18 tuổi phạm tội, xu hướng nhân đạo còn biểu hiện ở việc pháp luật hình sự Việt Nam không ngừng củng cố những đảm bảo về pháp luật trong việc bảo vệ người dưới 18 tuổi phạm tội không bị áp dụng những biện pháp mang tính chất trừng phạt nghiêm khắc mà luôn được đối xử công bằng, phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà họ gây ra. Đặt trong tổng thể thì xu hướng nhân đạo này có ý nghĩa đảm bảo một cách chắc chắn rằng các giá trị cơ bản của đời sống xã hội, các quyền lợi vốn có của con người luôn được tôn trọng ở vị trí tối thượng vì một nền dân chủ tiến bộ.

1.2. Nội dung của chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Xuất phát từ khái niệm, đặc điểm và những ý nghĩa của chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đã được phân tích, làm rõ trên đây cũng như thực tiễn xây dựng và áp dụng pháp luật trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm, có thể thấy chính sách này là một phần của chính sách xã hội và là chính sách pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự của Nhà nước ta. Chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội bao gồm nhiều nội dung khác

nhau. Mặc dù vậy, trong phạm vi luận văn này tôi dừng lại ở việc tìm hiểu nội dung chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ở ba nội dung chính bao gồm: chính sách pháp luật hình sự về tội phạm, về đường lối xử lý và về hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

1.2.1. Chính sách về đường lối xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Biểu hiện thứ hai của chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là đường lối xử lý đối với họ khi họ thực hiện tội phạm.

Trước hết, cần phải hiểu khái niệm đường lối xử lý người phạm tội trong pháp luật hình sự. Khác với vấn đề tội phạm được quy định cụ thể khái niệm tội phạm trong Bộ luật Hình sự thì khái niệm đường lối xử lý không có một khái niệm nào để sử dụng thống nhất. Tuy nhiên chúng ta có thể hiểu đường lối xử lý đối với người phạm tội nói chung là một bộ phận cấu thành của chính sách hình sự nhằm xác định những phương hướng cơ bản có tính chất chỉ đạo của Nhà nước trong hoạt động lập pháp và áp dụng pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự và pháp luật thi hành án hình sự, đảm bảo sự ổn định của hệ thống tư pháp hình sự, tăng cường việc bảo vệ các quyền của con người cũng như các lợi ích hợp pháp của cộng đồng và của nhà nước, góp phần ổn định trật tự xã hội, nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm. Mục tiêu hướng đến của mọi đường lối xử lý người phạm tội là nhằm xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, góp phần tích cực cho việc cải tạo giáo dục người bị kết án và sớm đưa họ trở về hoà nhập xã hội với tính chất là kết quả của chính sách hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền. Để đạt được mục tiêu này, đường lối xử lý về hình sự của nhà nước ta cần phản ánh rõ được các nội dung sau:

- Đối với những kẻ chủ mưu, cầm đầu ngoan cố chống đối, tái phạm nguy hiểm, những kẻ lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội, những kẻ dùng thủ đoạn xảo quyệt để phạm tội, phạm tội có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây nên hậu quả nghiêm trọng cần phải trừng trị tuyệt đối nghiêm khắc bằng pháp luật hình sự.

- Cần quy định và trao quyền cho cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền áp dụng chính sách khoan hồng cho những người tự thú, thành khẩn khai báo, tố giác

những người đồng phạm, lập công chuộc tội, đã ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra hoặc lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng.

- Đối với những người phải chấp hành án hình sự là phạt tù thì cần phải buộc họ chấp hành hình phạt trong trại giam, cải tạo lao động, học tập để trở thành người có ích cho xã hội; nếu họ có tiến bộ thì cần xét để giảm nhẹ việc chấp hành hình phạt; đối với những người đã chấp hành xong án phạt thì cần tạo điều kiện cho họ làm ăn sinh sống và hoà nhập xã hội.

Từ những lập luận nêu trên, có thể hiểu đường lối xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong chính sách pháp luật hình sự là những phương hướng có tính chất chỉ đạo của Đảng và Nhà nước trong quá trình xét xử hành vi phạm tội của họ thông qua hệ thống các quy phạm pháp luật hình sự. Với sự cân nhắc nhiều yếu tố khác nhau liên quan đến người dưới 18 tuổi phạm tội, việc xử lý đối tượng phạm tội này có những khác biệt đáng kể so với người đã thành niên phạm tội.

Mục tiêu, quan điểm trong đường lối xử lý của Đảng và Nhà nước ta đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là phải hướng đến mục tiêu nhân đạo, đảm bảo tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi phạm tội. Xuất phát từ quan điểm cho rằng đây là độ tuổi cần được giáo dục, rèn luyện, vì vậy những sai lầm, vi phạm của họ cần phải được nhìn nhận dưới góc độ hướng thiện với trách nhiệm của cả cộng đồng. Khi người dưới 18 tuổi có hành vi phạm tội thì vấn đề trách nhiệm pháp lý của các đối tượng đó không thể xem xét một cách độc lập mà bao giờ cũng phải đặt trong mối quan hệ với trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục của xã hội, của gia đình và nhà trường. Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải đảm bảo lợi ích tốt nhất của họ, không nhằm răn đe trừng trị như với chủ thể phạm tội là người thành niên mà chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Cũng cần nhìn nhận thấy rằng khi cộng đồng xã hội có những tác động tâm lý, giáo dục, cải tạo tích cực đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thì kết quả cho thấy họ lại là những con người dễ phục thiện, khả năng hoàn lương, tái hòa nhập cộng đồng cao. Người dưới 18 tuổi hay trẻ em, NCTN là đối tượng được gia đình, nhà trường và toàn xã hội chăm sóc, giáo dục do đó việc họ phạm tội cũng có một phần trách nhiệm của các chủ thể có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục họ.

Đường lối xử lý đối với người dưới 18 tuổi được quy định rõ nét nhất trong Bộ luật Hình sự. Biểu hiện cụ thể của đường lối xử lý đối với đối tượng này thể hiện ở một số nội dung như nguyên tắc xử lý chung, độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hình sự, các biện pháp pháp lý và các biện pháp cưỡng chế trong đó vấn đề hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội vừa là một trong những nội dung quan trọng của chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi nhưng cũng phần nào phản ánh đường lối xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội của pháp luật hình sự Việt Nam. Nhìn chung, các biện pháp pháp lý và các biện pháp cưỡng chế áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội phải lấy mục đích giáo dục là trên hết, hạn chế áp dụng các hình phạt đối với họ và phải áp dụng đúng mức các biện pháp tư pháp có tính giáo dục, phòng ngừa. Việc xử lý người chưa thành niên phạm tội phải kết hợp với gia đình, nhà trường, các cơ quan tổ chức hữu quan, phải xác định rõ nguyên nhân, điều kiện phạm tội cũng như nhận thức của họ, đánh giá chính xác các đặc điểm nhân thân từ đó tạo những cơ hội thuận lợi và thực tế để họ sửa chữa sai lầm trở thành người có ích cho xã hội.

Có thể nói đường lối xử lý chính là biểu hiện sinh động nhất của chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Đây là những quy định giữ vai trò định hướng đối với việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội, cụ thể là giữ vai trò định hướng cho các cơ quan tư pháp có liên quan trong xử lý các vụ án mà chủ thể thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi.

1.2.2. Chính sách pháp luật hình sự về tội phạm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Chính sách pháp luật về tội phạm là một trong những vấn đề trung tâm của chính sách hình sự nói chung và chính sách pháp luật hình sự nói riêng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Việc đánh giá, giải quyết vấn đề này như thế nào sẽ chi phối toàn bộ quá trình hoạch định và thực hiện chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Chính sách về tội phạm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội có thể hiểu “là chính sách trong việc xem xét, đánh giá chủ quan dưới góc độ pháp luật các hành vi nguy hiểm xảy ra một cách khách quan trong xã hội”[14]. Như vậy, chính sách về tội phạm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội của mỗi quốc gia sẽ phụ thuộc trước hết vào các quan điểm và nhận thức của quốc gia đó về tội

phạm, tức là muốn xây dựng được chính sách pháp luật hình sự về tội phạm nói chung và dành cho người dưới 18 tuổi nói riêng cần phải trả lời được những câu hỏi: Thế nào là tội phạm và bản chất của tội phạm là gì?

Quan điểm về tội phạm là một chủ đề không mới, được bàn luận rất nhiều qua các giai đoạn và thời kỳ lịch sử, bởi đây là một trong những cơ sở quan trọng cho việc hoàn thiện pháp luật hình sự và xây dựng các biện pháp phòng ngừa, điều tra, xử lý tội phạm. Xuất phát từ tầm quan trọng trong nhận thức về tội phạm mà cách lý giải thế nào là tội phạm cũng có sự khác nhau.

Dưới góc độ xã hội học thì tội phạm được coi là một hiện tượng xã hội tồn tại song song cùng với sự phát triển của xã hội. Dưới góc độ nghiên cứu của chủ nghĩa Mác Lê-nin, tội phạm là một hiện tượng xã hội, tồn tại và vận động theo quy luật của xã hội, có tính lịch sử, tính giai cấp, có nguồn gốc và nguyên nhân xã hội, đồng thời cũng là một hiện tượng tồn tại khách quan. Theo lý luận của Tội phạm học, thì tội phạm là một hiện tượng xã hội tiêu cực [18]. Theo lý luận của pháp luật Hình sự, tội phạm “là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự...” [18] BLHS 2015 Khoản 1 Điều 8. Nhìn chung lại, về mặt lý luận, bản chất của tội phạm là một hiện tượng xã hội tiêu cực. Khi có một hiện tượng xã hội tiêu cực xuất hiện trong xã hội và trở thành quan hệ xã hội phổ biến, rõ ràng nó trở thành chủ đề chính của các nhà lập pháp và tội phạm học trong mỗi quốc gia để xác lập quan điểm: có nên coi hiện tượng tiêu cực chứa đựng hành vi nguy hiểm cho xã hội là tội phạm hay không; có cần thiết phải điều chỉnh nó bằng các quy phạm pháp luật hình sự và cần thiết phải áp dụng các chế tài hình sự cứng rắn hay không. Hoặc có những hiện tượng - hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được xác định là tội phạm và quy định trong Luật hình sự, nhưng đến một chừng mực nhất định của thời gian, hiện tượng và tính nguy hiểm đó dần mất đi, thậm chí trong một thời gian dài không xuất hiện trong xã hội, lúc này cũng lại xuất hiện hàng loạt các quan điểm khác nhau của các nhà lập pháp hình sự: nên loại bỏ hành vi bị coi là tội phạm này ra hay vẫn giữ nguyên trong Luật hình sự? Bởi các hiện tượng tiêu cực trong xã hội tồn tại và biến đổi, phát triển song song cùng với sự phát triển của xã hội, chính vì vậy nhận thức về tội phạm cũng luôn luôn và thường xuyên có sự thay đổi và điều chỉnh để phù hợp hơn với yêu cầu của thời đại.

Từ vấn đề quan điểm về tội phạm nêu trên, có thể thấy chính sách pháp luật nói chung và chính sách pháp luật hình sự nói riêng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội phải được hoạch định cho từng thời kỳ, giai đoạn lịch sử, chính vì vậy, không thể dừng lại ở cơ sở nhận thức chung để đề ra đường lối, chủ trương phát triển trong mọi giai đoạn. Về mặt lý luận, pháp luật bắt nguồn từ cuộc sống và cũng chính pháp luật là công cụ phản ánh những nhu cầu lợi ích của các giai cấp và các tầng lớp trong xã hội. Tuy nhiên, pháp luật không thể được xây dựng một cách tùy tiện mà phải trải qua một quá trình, đòi hỏi sự nghiên cứu sâu sắc đời sống, các quy luật xã hội với tất cả sự đa dạng và đôi khi có sự mâu thuẫn của chúng. Chất lượng của một hệ thống pháp luật sẽ được đánh giá dựa trên một số tiêu chí như: tính toàn diện, đồng bộ; tính ổn định; tính thống nhất; tính phù hợp, khả thi; tính dự báo và trình độ kỹ thuật lập pháp. Chính vì vậy, khi xây dựng chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, bên cạnh những yêu cầu đảm bảo tính thống nhất, khả năng có thể áp dụng trong thực tiễn thì pháp luật hình sự phải tính đến những biến đổi có thể xảy ra trong đời sống xã hội. Khi đó việc xây dựng pháp luật hình sự và chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tương ứng sẽ có tính chất ổn định. Chỉ khi đạo luật ổn định thì các quy phạm pháp luật nói chung và quy phạm pháp luật hình sự nói riêng mới có thể phát huy được hiệu lực, hiệu quả trong cuộc sống, phát huy vai trò của nó trong đấu tranh, phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên hiện nay vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế trong cả quá trình từ xây dựng cho đến giải thích và thực thi pháp luật hình sự như pháp luật không theo sát sự phát triển của cuộc sống, không dự báo được những mối quan hệ xã hội có thể phát sinh, tinh thần thượng tôn pháp luật chưa cao, còn hiện tượng coi thường, lách luật... Mặc dù vậy, chúng ta vẫn có thể tránh được những thiếu sót này trong cách thức soạn thảo và thông qua pháp luật hình sự nếu những việc làm này được tiến hành trên cơ sở công khai, có sự đánh giá khoa học và sự thảo luận xây dựng đạo luật có sự tham gia của đông đảo xã hội[26]

Chính sách hình sự về tội phạm trước hết là việc xem xét, đánh giá và ghi nhận dưới góc độ pháp luật hành vi nguy hiểm xảy ra một cách khách quan trong xã hội. Hay nói theo cách của C. Mác là: *“Nhà lập pháp phải coi mình như là khoa học tự nhiên. Ông ta không làm ra luật, ông ta không pháp minh ra chúng mà chỉ nêu*

chúng lên ông ta biểu hiện những quy luật nội tại của những mối quan hệ tinh thần thành những đạo luật thành văn có ý thức. Chúng ta sẽ phải chê trách nhà làm luật là vô cùng tùy tiện nếu như ông ta thay thế bản chất của sự vật bằng nhiều điều bịa đặt của mình”[8]. Như vậy, chính sách hình sự về tội phạm không phải là ý chí chủ quan của nhà làm luật mà là sản phẩm của quá trình nghiên cứu sâu sắc thực tế. Nói cách khác, chính sách hình sự về tội phạm là kết quả của quá trình đi từ nhận thức thực tại khách quan đến chuyên hóa nhận thức đó thành đường lối, chủ trương, thành những quy phạm, chế định pháp luật cụ thể. Chính sách về tội phạm nói chung và chính sách pháp luật về tội phạm nói riêng thể hiện thái độ của Nhà nước, của xã hội đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội và người thực hiện hành vi nguy hiểm đó. Thái độ đó, tùy vào mức độ nghiên cứu có sâu sát với thực tế đời sống hay không mà có thể là đúng đắn, phù hợp nhưng cũng có thể là chưa đúng đắn, phù hợp. Vì vậy, để tạo lập được căn cứ khách quan cho việc xác định một hành vi nguy hiểm cho xã hội có được coi là tội phạm hay không, cần xem xét trên nhiều phương diện như: tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của các hành vi; phương thức, cách thức thực hiện hành vi đó; đối tượng thực hiện hành vi nguy hiểm; các yếu tố khách quan khác... Sau khi có đầy đủ cơ sở để kết luận một hành vi nguy hiểm cho xã hội là hành vi phạm tội, cần xác định mức hình phạt phù hợp đối với từng loại hành vi đó cũng trên cơ sở xem xét các phương diện nêu trên để đảm bảo tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật. Tất cả những phương hướng, quan điểm, đường lối đó chính là chính sách hình sự về tội phạm.

Từ khái niệm chính sách hình sự về tội phạm nêu trên, chính sách pháp luật hình sự về tội phạm đối với người dưới 18 tuổi được hiểu là sự ghi nhận bằng các quy định pháp luật về việc xác định một hành vi nguy hiểm được thực hiện bởi người dưới 18 tuổi có được coi là tội phạm hay không phải tội phạm. Để đưa ra được những quy định này, các nhà lập pháp phải xem xét nhiều vấn đề không chỉ đơn thuần dựa vào sự việc khách quan, tức là hành vi nguy hiểm và hậu quả đối với xã hội, mà còn căn cứ vào những đặc thù của đối tượng thực hiện hành vi nguy hiểm là người dưới 18 tuổi để nhìn nhận một cách phù hợp, chính xác, đúng đắn với đường lối, quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước và tinh thần chung của Quốc tế về bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em, NCTN.

Biểu hiện rõ nét nhất về chính sách pháp luật hình sự về tội phạm của pháp luật mỗi quốc gia đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chính là quá trình tội phạm hóa và phi tội phạm hóa. Tội phạm hóa, hiểu theo nghĩa chung nhất theo luật hình sự Việt Nam, là quy định một tội phạm mới trong BLHS đối với hành vi trước đây chưa bị coi là tội phạm. Phi tội phạm hóa là không quy định trong BLHS hành vi trước đây bị coi là tội phạm. Đây là hai quá trình trái ngược nhau, song chúng đều có mối quan hệ chặt chẽ, hữu cơ và tác động tương hỗ nhau với tính chất là các biện pháp để thực hiện chính sách hình sự và đều gắn bó chặt chẽ với quá trình lập pháp. Nói cách khác, việc tội phạm hóa hay phi tội phạm hóa các hành vi nào đó thuộc lĩnh vực của nhà làm luật khi ban hành một đạo luật hình sự mới hay khi sửa đổi, bổ sung một đạo luật hình sự đã có. Cơ sở để nhà làm luật tội phạm hóa hay phi tội phạm hóa hành vi nào đó là sự đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi và yêu cầu phòng, chống hành vi nguy hiểm cho xã hội nào đó.

Quá trình tội phạm hóa, phi tội phạm hóa đối với hành vi nguy hiểm được thực hiện bởi người dưới 18 tuổi là nội dung quan trọng của chính sách pháp luật hình sự là bởi ngoài việc nó phản ánh sự công bằng, sáng suốt và nhân đạo trong chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thì trong bất kể trường hợp nào, việc quy kết một người chưa thành niên là phạm tội ảnh hưởng rất nặng nề đến tâm lý và sự phát triển lâu dài của họ. Chính vì thế, khi nghiên cứu chính sách pháp luật hình sự về tội phạm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, nhà nước ta luôn cố gắng hạn chế nhất có thể việc tội phạm hóa đối với hành vi nguy hiểm của người dưới 18 tuổi trên cơ sở phân tích khả năng nhận thức của họ so với những đối tượng khác.

1.2.3. Chính sách về hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Trước hết phải khẳng định, tội phạm và hình phạt là hai chế định rất quan trọng của luật hình sự. Theo Bộ luật Hình sự hiện hành thì *hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của nhà nước được quy định trong Bộ luật này, Do Tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân thương mại đó* Điều 30 BLHS 2015. Bộ luật hình sự cũng phân chia hình phạt thành 02 nhóm: Hình phạt chính và hình phạt bổ sung, trong đó, hình phạt chính là hình phạt cơ bản được áp dụng cho một loại tội phạm và được tuyên độc lập. Với mỗi tội phạm, Tòa

án chỉ có thể tuyên độc lập một hình phạt chính, có thể là: Cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình... Hình phạt bổ sung là hình phạt không được tuyên độc lập mà chỉ có thể tuyên kèm theo hình phạt chính. Đối với mỗi loại tội phạm Tòa án có thể tuyên một hoặc nhiều hình phạt bổ sung nếu điều luật về tội phạm có quy định các hình phạt này: cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; cấm cư trú; quản chế; tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản; phạt tiền; trục xuất...

Hình phạt cũng như các biện pháp miễn, giảm hình phạt trong luật hình sự Việt Nam vừa là nội dung, vừa là phương tiện của chính sách hình sự Việt Nam, đã phát huy vai trò tích cực, trở thành công cụ pháp lý quan trọng trong đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, góp phần bảo đảm ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đáp ứng yêu cầu bảo đảm dân chủ, bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, chống mọi hành vi phạm tội; đồng thời giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm Điều 31 BLHS 2015.

Hình phạt chính là hậu quả pháp lý bất lợi mà người thực hiện hành vi phạm tội phải gánh chịu đối với những hậu quả nguy hiểm cho xã hội họ đã gây ra do thực hiện hành vi đó. Hình phạt, xét từ góc độ pháp luật, chính là công cụ để nhà nước ta quản lý các mối quan hệ phát sinh trong đời sống xã hội, là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất để trừng trị, răn đe và giáo dục những đối tượng coi thường luật pháp; từ góc độ đạo đức xã hội, hình phạt ra đời là hệ quả của quy luật tự nhiên *“gieo nhân nào gặt quả ấy”*. Khi một người thực hiện các hành vi phạm tội, tức là họ đã gây ra những hậu quả hết sức nguy hiểm cho xã hội, khi đó để phù hợp với quy luật, người phạm tội xứng đáng phải gánh chịu hậu quả bất lợi, đó là hình phạt. Đó là đòi hỏi của công lý và công bằng. Tuy nhiên, không chỉ đơn thuần bắt người phạm tội phải gánh chịu hậu quả bất lợi, hình phạt với tư cách là công cụ được con người sử dụng một cách có ý thức, sẽ còn hàm chứa những giá trị tiến bộ vốn có của nó. Đó là giá trị phòng ngừa và cải tạo giáo dục. Nhận thức này giúp chúng ta tránh được quan điểm coi hình phạt chỉ đơn giản là một sự trả thù, trừng phạt của pháp luật. Đồng thời với những giá trị đó thì hình phạt mới được xem là tồn tại có cơ sở vững chắc. Vì vậy, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta khẳng định,

hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Nói đến tội phạm không thể không nói đến hình phạt. Mối liên hệ giữa tội phạm và hình phạt đã khiến cho tính chịu hình phạt trở thành một trong những thuộc tính của tội phạm[14].

Từ lập luận trên có thể khẳng định, chính sách về hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là hệ quả tất yếu của chính sách về tội phạm. Điều này có nghĩa, hình phạt đối với mỗi loại tội phạm phụ thuộc hoàn toàn vào cách đánh giá về tính chất, mức độ của mỗi hành vi phạm tội của các nhà lập pháp trong quá trình xây dựng pháp luật. Nếu chính sách pháp luật hình sự về tội phạm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thể hiện sự phản ứng của Nhà nước và xã hội đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội, thì chính sách pháp luật hình sự về hình phạt thể hiện thái độ của Nhà nước và xã hội trong việc xử lý đối với hành vi phạm tội và người thực hiện hành vi đó. Nhìn chung, chính sách pháp luật về hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội có thể là nghiêm trị, có thể là khoan hồng. Tuy nhiên, mức độ, phạm vi nghiêm trị hay khoan hồng cũng phải nằm trong khuôn khổ tính khách quan của tội phạm, tức là trong khuôn khổ mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

Hình phạt nặng hay nhẹ, mang tính chất nghiêm trị hay khoan hồng sẽ phụ thuộc rất nhiều vào mục đích của hình phạt, tức là mục tiêu được đặt ra khi xây dựng và áp dụng hình phạt. Trong việc hoạch định và triển khai áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, việc xác định đúng mục đích của hình phạt là vô cùng cần thiết. Hình phạt mang tính chất “nghiêm trị” chính là thái độ, phản ứng của Nhà nước đối với các loại hành vi phạm tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, đối với người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, lưu manh, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả nghiêm trọng. Ngược lại, hình phạt mang tính nhân đạo, khoan hồng được áp dụng đối với người tự thú, người có thái độ hợp tác trong quá trình tố tụng như thành khẩn khai báo, tố giác đồng phạm, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra.... Điều này được quán triệt trong toàn bộ các quy định về trách nhiệm hình sự và hình phạt nói chung thông qua hệ thống các tình tiết tăng nặng hay giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về trách nhiệm hình sự và

hình phạt áp dụng cho người dưới 18 tuổi thông qua chế định riêng dành cho họ tại mỗi BLHS.

Nhìn tổng thể, không chỉ pháp luật hình sự Việt Nam mà ở pháp luật hình sự của các quốc gia khác trên thế giới, tính nhân đạo, khoan hồng vẫn là đặc điểm nổi bật trong chính sách hình phạt đối với người dưới 18 tuổi hay còn gọi là NCTN phạm tội. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt đối với đối tượng này được thực hiện chỉ trong trường hợp cần thiết khi các biện pháp tư pháp khác không đủ mạnh và hiệu quả để răn đe giáo dục, đồng thời phải dựa trên việc xem xét những yếu tố khác như tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân người phạm tội và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm. Nếu thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thì có thể áp dụng các biện pháp tư pháp khác với tính chất nhẹ nhàng hơn hình phạt. Quan điểm này hoàn toàn phù hợp với các Công ước quốc tế về trẻ em, NCTN, rằng: “...*Mọi trẻ bị cáo buộc, buộc tội hoặc bị coi là vi phạm luật hình sự đều có quyền được đối xử phù hợp với sự phát triển ý thức về nhân phẩm và phẩm chất của trẻ.*”[10] và có sự tương đồng so với pháp luật của các nước trên thế giới về tư pháp đối với người dưới 18 tuổi hay NCTN.

Sở dĩ chính sách pháp luật hình sự nói riêng và chính sách hình sự nói chung luôn hướng đến hạn chế tối đa việc áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là bởi ở độ tuổi này, việc bắt các em phải chịu các hình phạt dù là hình phạt có mức độ nhẹ nhất là cảnh cáo vẫn phần nào gây ra những tổn thương tâm lý, tinh thần mà rất có thể sẽ ám ảnh và đeo đẳng các em mãi về sau này. Những tổn thương đó có thể là sự xấu hổ, mặc cảm về việc phạm tội và phải chịu hình phạt, khiến cho các em có tư tưởng thu mình, xa lánh mọi người và ngại tiếp xúc, va chạm mới xã hội. Mặt khác, so với người thành niên, ý thức phạm tội của người dưới 18 tuổi nhìn chung chưa sâu sắc, họ dễ tiếp thu sự giáo dục của nhà trường, xã hội cũng như gia đình để điều chỉnh nhận thức và hành vi của mình, xa rời với các hành vi nguy hiểm cũng như con đường phạm tội. Chính vì lý do này, không thể coi người dưới 18 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự ngang bằng với người đã thành niên. Hình phạt áp dụng với người dưới 18 tuổi phạm tội bao giờ cũng phải nhẹ hơn so với người đã thành niên.

Hiện nay, chính sách pháp luật hình sự Việt Nam nói riêng và chính sách pháp luật hình sự của các quốc gia khác trên thế giới nói chung đều có xu hướng ưu tiên áp dụng các biện pháp tư pháp thay vì áp dụng hình phạt để đảm bảo phù hợp với tinh thần Công ước Liên Hợp quốc về quyền trẻ em. Mặt khác, cũng có nhiều quan điểm cho rằng, bên cạnh việc ưu tiên áp dụng biện pháp tư pháp thay vì hình phạt thì cũng cần cân nhắc nghiên cứu, sửa đổi quy định về chế tài hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo hướng nghiêm khắc hơn trong một số ít trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng (ví dụ như giết người...) để đảm bảo cân bằng lợi ích giữa việc bảo vệ người dưới 18 tuổi và lợi ích xã hội trong việc bảo vệ trật tự an toàn xã hội. Đây không phải quan điểm không có cơ sở, bởi hiện nay tình trạng NCTN phạm tội đặc biệt nghiêm trọng đang ngày càng gia tăng và gây nên sự nhức nhối, bức xúc trong xã hội. Tuy nhiên để đưa quan điểm này vào chính sách pháp luật hình sự gần như là điều bất khả thi bởi nó đi ngược lại với không chỉ quan điểm, đường lối, phương hướng chỉ đạo của Đảng và Nhà nước mà còn cả tinh thần chung của quốc tế.

Trong Bộ luật Hình sự, chính sách pháp luật về hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được thể hiện thông qua việc quy định từng loại hình phạt áp dụng đối với từng loại tội cụ thể. Chính sách này cũng được ghi nhận ngay trong các nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Để luật hóa chính sách này, các nhà lập pháp đã nghiên cứu, xem xét dựa trên nhiều yếu tố: tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, mức độ nguy hiểm, khả năng nhận thức của người thực hiện hành vi, nhân thân người thực hiện hành vi, độ tuổi...đảm bảo việc áp dụng hình phạt trong trường hợp cần thiết là hoàn toàn hợp lý, cân bằng lợi ích của cả người dưới 18 tuổi – đối tượng cần sự quan tâm, chăm sóc, bảo vệ đặc biệt của toàn xã hội và lợi ích của toàn thể xã hội, cộng đồng.

Nghiên cứu hệ thống pháp luật hình sự của nhiều quốc gia trên thế giới có thể thấy, ngày nay rất nhiều các quốc gia đang có xu hướng quy định việc ưu tiên áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng (hay còn gọi là áp dụng các biện pháp thay thế xử lý hình sự) trong chính sách xử lý hình sự đối với NCTN phạm tội thay vì áp dụng các biện pháp xử lý hình sự thông thường. Điều này có nghĩa là việc đưa NCTN vào hệ thống xử lý chính thức chỉ khi không còn cách nào khác. Các biện

pháp thay thế hình sự gồm một số chế tài như: khiển trách, hòa giải tại cộng đồng, giám sát, giáo dục tại gia đình hoặc giám sát, giáo dục tại cơ quan, tổ chức. Trong Công ước quốc tế về Quyền trẻ em đã quy định:

“Các quốc gia thành viên phải tìm cách thúc đẩy hình thành những đạo luật, thủ tục, quy định, các cơ quan và thể chế áp dụng riêng cho các trẻ em bị coi là, bị tố cáo hay bị thừa nhận là đã vi phạm luật hình sự, đặc biệt phải:

....

2. Bất kì khi nào xem xét thấy thích hợp và nên làm, thì đề ra các biện pháp để xử lý những trẻ em như thế mà không phải đụng đến những quá trình tố tụng tư pháp, miễn là các quyền con người và những điều kiện bảo vệ hợp pháp được tôn trọng đầy đủ”

Xử lý chuyên hướng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội hay còn gọi là NCTN phạm tội là khuyến nghị của Quốc tế và được áp dụng ở nhiều nước trên thế giới như: Đức, Nhật Bản, Thái Lan, Philipine, Nam Phi, Úc, Canada,...[11] Việc quy định xử lý chuyên hướng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội sẽ góp phần hạn chế đưa người dưới 18 tuổi vào vòng quay tố tụng phải tiếp xúc với hệ thống tư pháp chính thức bằng cách áp dụng các biện pháp giáo dục, cải tạo, can thiệp tại cộng đồng và do đó làm giảm tác động tiêu cực đến sự phát triển của người dưới 18 tuổi, giúp cho họ nhanh chóng tái hòa nhập cộng đồng; đồng thời giải quyết triệt để hơn nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội, nâng cao hiệu quả phòng ngừa tái phạm. Việc giải quyết và xử lý vụ việc sẽ nhanh hơn, tìm ra cách thức phù hợp hơn để giải quyết nhu cầu của người dưới 18 tuổi phạm tội, bảo đảm lợi ích của người bị hại và cộng đồng; giảm thiểu số lượng các vụ việc phải giải quyết bằng hệ thống tư pháp chính thức, do đó giảm khối lượng cho các cơ quan tư pháp, tiết kiệm được chi phí phát sinh từ quá trình tố tụng hình sự tốn kém và chi phí cho đội ngũ cán bộ tố tụng tiến hành tham gia xử lý.

Tuy nhiên, việc quy định về chuyên hướng xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cũng phải được xem xét kĩ lưỡng chứ không thể áp dụng một bừa bãi ở bất kì quốc gia nào đó. Những yếu tố cần xem xét như sự phân hóa trách nhiệm hình sự của một quốc gia, tính khả thi của việc áp dụng biện pháp xử lý chuyên hướng đặt trong bối cảnh tình hình người dưới 18 tuổi phạm tội tại quốc gia có ý định áp dụng

(số lượng vụ án do người dưới 18 tuổi thực hiện, mức độ nguy hiểm của hành vi, độ tuổi phạm tội, khả năng tái hòa nhập cộng đồng và tỷ lệ tái phạm...). Theo quan điểm của tôi, biện pháp xử lý chuyển hướng chỉ đạt được mục đích giáo dục, giúp đỡ người dưới 18 tuổi sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh khi đáp ứng được một số điều kiện cần thiết như: môi trường đạo đức xã hội tại một quốc gia phải thật lành mạnh bởi quy phạm đạo đức thật sự là một công cụ tốt để giáo dục NCTN vi phạm pháp luật; bản thân người dưới 18 tuổi phải chấp nhận chịu sự quản lý của gia đình, bởi lẽ chỉ có chịu sự quản lý của gia đình thì gia đình mới thực hiện được tốt nhất việc chăm sóc, quản lý, giáo dục họ nhận thức đúng đắn về hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình và định hướng họ tới những hành vi đúng đắn và hợp pháp; về phía gia đình cũng phải có đủ những điều kiện cơ bản nhất như nhận thức pháp luật, sự cứng rắn, thời gian dành cho con em của mình...thì khi đó, biện pháp thay thế xử lý hình sự mới thật sự phát huy tác dụng. Nếu không thì chính sách pháp luật hình sự đó chỉ có ý nghĩa về mặt hình thức, còn về thực chất nó vô hình tạo điều kiện để người dưới 18 tuổi trốn tránh trách nhiệm hình sự, điều này có nghĩa mục đích giáo dục trong chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi không đạt được như mong đợi của nó.

Trên đây là toàn bộ đặc điểm, nội dung của chính sách pháp luật hình sự về hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Một chính sách pháp luật về hình phạt đối với người dưới 18 tuổi tiến bộ là chính sách pháp luật hướng đến sự bảo đảm quyền lợi của người dưới 18 tuổi hay còn gọi là trẻ em, NCTN một cách tối đa; song sự bảo vệ đó vẫn phải nằm trong khuôn khổ, giới hạn nhất định để không làm mất đi sự ổn định của trật tự an toàn xã hội, nhất là trong thời đại ngày nay khi tội phạm ngày càng có xu hướng trẻ hóa về độ tuổi phạm tội nhưng lại tăng cao về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Nếu chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi mà nghiêng về giáo dục quá nhiều sẽ làm nhòa đi một yếu tố rất quan trọng, không thể thiếu đó là răn đe. Dẫu sao, đây cũng là hai vấn đề, hai mục tiêu song song trong quá trình xây dựng pháp luật hình sự.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 1

Như vậy, ngoài chính sách hình sự chung thì với tư cách là một nhóm chủ thể của tội phạm, người dưới 18 tuổi phạm tội còn được xác định là một nhóm chủ thể đặc thù cần có một chính sách pháp luật hình sự mang tính đặc thù. Chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội luôn được thể hiện trên những phương diện cơ bản là chính sách pháp luật về tội phạm, đường lối xử lý và hình phạt. Quy định của pháp luật hình sự về tội phạm, đường lối xử lý và hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ phản ánh một bộ phận của chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, tuy vậy phần nào cũng đã phản ánh, làm rõ, lột tả được những mục tiêu, quan điểm, đường lối xử lý về hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Trên cơ sở những đặc điểm về sự phát triển trong tâm sinh lý của người dưới 18 tuổi phạm tội, BLHS qua các giai đoạn đều dành riêng một chế định quy định cụ thể về đường lối xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội bao gồm từ nguyên tắc xử lý, độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, giới hạn hành vi được coi là phạm tội đến hệ thống các chế tài, biện pháp tư pháp áp dụng và việc tổng hợp hình phạt.... Ở thời kỳ pháp luật nào, các quy định của BLHS cũng thể hiện được quan điểm chỉ đạo thống nhất của Đảng và Nhà nước đối với việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội là chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm; đồng thời vẫn thể hiện được sự nghiêm minh, công bằng của pháp luật trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Hiện nay, số vụ phạm tội và số người phạm tội do người chưa thành niên phạm tội thực hiện đang ngày càng gia tăng. Đây cũng là một trong các nguyên nhân mà đến BLHS 2015, nhà làm luật đã đầu tư khá nhiều công sức, tâm huyết về chế định này. Nội dung chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi của Việt Nam hiện nay sẽ được phân tích ngay ở chương sau.

CHƯƠNG 2

LỊCH SỬ CHÍNH SÁCH HÌNH SỰ VIỆT NAM ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI ĐƯỢC THỂ HIỆN TRONG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ QUA CÁC GIAI ĐOẠN.

2.1. Chính sách pháp luật hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội giai đoạn trước năm 1985

Khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, cùng lúc đó Hiến Pháp năm 1946 được ra đời đánh dấu bước tiến của đất nước. Cùng với bước đột biết đó Nhà nước đã ban hành rất nhiều các văn bản quy phạm pháp luật; về hình sự; Sắc lệnh số 27 – SL ngày;28/2/1946 quy; định việc trừng trị những hành vi bắt cóc, tống tiền và ám sát, Pháp lệnh ngày 21/10/1970 về trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa,;Pháp lệnh ngày 21/10/1970 về trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân và Pháp lệnh ngày 06/9/1972 quy định về việc bảo vệ rừng..... Cùng với nó những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội cũng được chú trọng. Như Quyết định số 217-TTg ngày 18/12/1967 của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành về việc tổ chức lại các trường giáo dục thiếu niên hư, trong đó quy định: *“Nói chung, đối với trẻ hư dưới 14 tuổi thì không đưa ra Tòa án xét xử...”*. Theo Sắc lệnh số 97- SL ngày 22/5/1950 sửa đổi một số quy định trong dân luật- Điều 7; *“Người vị thành niên là con trai hay con gái chưa đủ 18 tuổi. Khi đã đến tuổi thành niên thì dù còn ở với cha, mẹ người con cũng có quyền tự lập”*[28-tr12]. Nghị định 181-NV;- 6 ngày 12/6//1951 của Liên Bộ Nội vụ. Tư pháp ấn định chi tiết về sự thiết lập, tổ chức, kiểm soát trại giam và Ban hành quản quy tắc trại giam- Điều 9 nếu có thể được nên phải phân loại và giam riêng đối với những đối tượng phạm tội dưới 18 tuổi.

Để góp phần giải quyết tình trạng thanh thiếu niên phạm tội, ngoài các biện pháp phối hợp với các đoàn thể, với Ủy ban thiếu niên, nhi đồng và nhà trường trong công tác giáo dục giáo dục thanh thiếu niên. Đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thì Tòa án cần phải cân nhắc kỹ các hình thức xử lý: bảo lãnh tại gia đình, địa

phương hay cho vào nơi giáo dục tập trung. *The Quyết định số 217- TTg-NC ngày 18/12/1967 của thủ tướng chính phủ (Mục 5, tiết 2, chương II)[27- tr13].* “Với những trường hợp cần thiết thì phải truy cứu trách nhiệm hình sự xét xử trước tòa án. Nói chung trẻ em hư dưới 14 tuổi thì không đưa ra Tòa án xét xử; từ 14 tuổi đến 18 tuổi, nếu trường hợp phạm pháp cần thiết phải đưa ra xét xử thì có thể chậm chước đến tuổi còn non trẻ của chúng riêng đối với loại từ 14 tuổi đến 16 tuổi, chỉ nên xét xử những trường hợp phạm tội nghiêm trọng”. Nhìn chung trong giai đoạn này việc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là không nên đưa ra xét xử tại Tòa án. Theo Quyết định số 217-TTg ngày 18/12/1967 về việc tổ chức lại các trường giáo dục thiếu niên hư, trong đó quy định: “*Nói chung, đối với trẻ hư dưới 14 tuổi thì không đưa ra Tòa án xét xử...*”. Cũng tại thời điểm đó thì tòa án nhân dân tối cao cũng đã đưa ra hướng dẫn số 329-HS2 ngày 11/2/1967, Tòa án nhân dân tối cao đã đề ra yêu cầu áp dụng biện pháp tư pháp thay thế hình phạt nhằm mục đích giáo dục người chưa thành niên phạm tội: “*Riêng đối với các can phạm còn ít tuổi (phạm tội iếp dâm), cần phân biệt đối với những can phạm trong lứa tuổi, từ khoảng 14 đến 16, chủ yếu nên dùng những biện pháp giáo dục như: giao cho cha, anh, chú, bác bảo lãnh và giáo dục; giữ trong các trại giáo dưỡng vị thành niên; chỉ trong một số ít trường hợp có tình tiết thực sự nghiêm trọng mới cần xét xử*” [27, trang 18]. Những trường hợp phải áp dụng những hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội thì văn bản này cũng đã hướng dẫn cách thức xử lý và các hình phạt “*Khi xét xử cần chiếu cố thích đáng đến trình độ hiểu biết pháp luật non kém và khả năng dễ tiếp thu cải tạo giáo dục của họ, đến việc họ chưa nhận thức được đầy đủ tính chất nguy hiểm của hành vi của mình mà xử nhẹ hơn các can phạm đã lớn tuổi..... chỉ vào khoảng 1/2 mức án đối với can phạm lớn tuổi*” [27, trang 19]. Qua đó ta thấy việc áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội (người chưa thành niên phạm tội) thì Tòa án cần phải xem xét kỹ. Đưa ra đường lối xử lý sao cho phù hợp đối với chủ thể đặc biệt này. Bởi xét cho cùng những đối tượng là người dưới 18 tuổi phạm tội, họ là những người chưa nhận thức được hết ý nghĩa những việc họ đã làm đôi khi họ chỉ là ngẫu

hứng làm theo, hoặc vì tò mò, sĩ diện học đòi để muốn khẳng định cái tôi. Chính vì thế khi xét xử và áp dụng hình phạt đối với những đối tượng phạm tội này ngành Tòa án cần phải cân nhắc kỹ và dựa vào những yếu tố: Trình độ hiểu biết pháp luật, khả năng giáo dục cải tạo và mức độ nhận thức về hành vi của chính những đối tượng đó. Từ những yếu tố đó ta thấy yếu tố nhân thân của người chưa thành niên phạm tội cũng rất quan trọng. Bởi cũng có những trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội nhưng không cần phải giáo dục tập trung mà còn có biện pháp giáo dục tại gia đình...

Để việc đấu tranh có hiệu quả chống hiện tượng thanh niên, thiếu niên phạm tội, chủ yếu là có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Nhà nước, nhà trường và các đoàn thể xã hội cũng như gia đình trong việc giáo dục đạo đức cho lứa tuổi này. Bên cạnh đó cũng cần có một đường lối xử lý thích hợp đối với những trường hợp phạm tội xảy ra. Thực tiễn cho thấy rằng công tác giáo dục, phòng ngừa, hoạt động của các ngành còn chưa đáp ứng được yêu cầu. Chưa có kế hoạch, biện pháp cụ thể và đầy đủ để phối hợp tốt các ngành trong việc tuyên truyền pháp luật vào giới thanh thiếu niên.

Trích lời tổng tổng kết Hội nghị tổng kết công tác 4 năm 1965- 1968 của Tòa án nhân dân tối cao (trang 22, 24):

+ Đường lối xử lý vị thành niên phạm tội thì Hội nghị nhất trí theo Nghị quyết 198 ngày 18/4/1970 của Bộ chính trị là khâu cơ bản nhất, có tính quyết định, nhưng công tác này còn có những thiếu sót, đó là việc giáo dục, phòng ngừa để đấu tranh phòng và chống các hiện tượng thanh thiếu niên phạm tội.

+ Về vận dụng đường lối xử lý của Hội nghị có hai điểm cần chú ý:

“ Cá biệt có nên xét xử về hình sự trẻ em dưới 14 tuổi phạm tội thực nghiêm trọng hay không” “ Đối với trẻ em từ 14 tuổi đến 16 tuổi có nên xét xử về hình sự trong trường hợp phạm tội trộm cắp, móc túi nhiều lần hay không” [27- tr15]..

Cũng trong báo cáo Tổng kết công tác 4 năm (1965 - 1968), Tòa án nhân dân tối cao tiếp tục hướng dẫn đường lối xét xử đối với người chưa thành niên phạm tội: *“Về nguyên tắc, từ đủ 14 tuổi tròn trở lên coi là có trách nhiệm về mặt hình sự.*

Nói chung đối với lứa tuổi từ 14 đến 16 thì chỉ bị truy tố, xét xử trong những trường hợp phạm các tội nghiêm trọng như giết người, cướp của, hiếp dâm..... riêng về hiếp dâm nói chung vẫn chủ yếu là giáo dục và cũng chỉ nên truy tố, xét xử trong trường hợp nghiêm trọng. Đối với lứa tuổi từ 16 đến 18 tuổi, nếu hành vi phạm pháp có tính chất tương đối nghiêm trọng, nói chung cần xét xử, nhưng so với người lớn cần xử nhẹ hơn”[14 trang 14]. Bên cạnh hướng xử lý thì ở văn bản của Hội nghị này cũng đưa ra những đường lối, yêu cầu xét xử cho Tòa án nhân dân các cấp khi xét xử những đối tượng phạm tội này nên ưu tiên áp dụng các biện pháp tư pháp thay thế cho hình phạt tù; “Đối với các em từ 14 đến 16 tuổi phạm tội trộm cắp nhiều lần, thì phải kiên trì giáo dục, cải tạo, đề nghị đưa vào trường phổ thông công nông nghiệp hoặc trong trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì chỉ nên tuyên xử giao cho gia đình bảo lãnh giáo dục (nếu có điều kiện) hoặc chỉ nên áp dụng biện pháp án treo. Xử phạt tù giam, nhất là những án phạt tù ngắn hạn hoàn toàn không thích hợp với lứa tuổi đó và cũng không đạt được một tác dụng thiết thực nào”[27 trang 16].

Bên cạnh đó thì đường lối xử lý và áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên được quy định rất rõ trong Chỉ thị số 46-TH ngày 14/1/1969 của Tòa án nhân dân tối cao “Nói chung, đối với trẻ em hư dưới 14 tuổi thì không đưa ra Tòa án xét xử; từ 14 tuổi đến 18 tuổi, nếu trường hợp phạm pháp cần thiết phải đưa xét xử thì chậm trước đến tuổi còn non trẻ của chúng; riêng đối với loại từ 14 đến 16 tuổi, chỉ nên xét xử trong những trường hợp phạm tội nghiêm trọng”[27] . Nói chung trong giai đoạn này các văn bản đều nhất trí rằng không nên xử lý về hình sự các vị thành niên dưới 14 tuổi dù phạm tội nghiêm trọng. Nhưng cũng có một số ý kiến cho rằng nên cho xét xử về hình sự trẻ em trên 13 tuổi và dưới 14 tuổi nếu phạm tội đặc biệt nghiêm trọng như giết người cướp của. Trong giai đoạn này thì việc quy định hình phạt cụ thể đối với người dưới 18 tuổi phạm tội (người chưa thành niên phạm tội) chưa được rõ ràng về các hình phạt. Mà chủ yếu là những biện pháp giáo dục tập trung hoặc giáo dục tại gia đình hay các tổ chức đoàn thể. Ngay

cả việc có áp dụng hình phạt là chung thân hay tử hình đối với người chưa thành niên phạm tội hay không cũng không quy định rõ.

Năm 1970 thông qua bản tổng kết kết;số 452-HS2 của tòa án nhân dân tối cao ngày 10/8/1970 về thực tiễn xét xử loại tội giết người, hình phạt tử hình mới được loại trừ đối với người chưa thành niên: *“Vì tội giết người là một tội hết sức nguy hiểm mà lứa tuổi từ 14 tuổi tròn trở lên đã có thể nhận thức được ít nhiều tính chất, cho nên, nói chung, cần truy tố xử các trường hợp giết người mà can phạm có từ 14 tuổi tròn trở lên. Tuy nhiên, vì nhận thức của các can phạm còn non nớt, cho nên cần xét xử nhẹ hơn so với người đã lớn... Mức hình phạt đối với can phạm này nói chung chỉ nên từ khoảng 15 năm tù trở xuống. Đối với các can phạm đã có từ 16 tuổi tròn trở lên cho đến dưới 18 tuổi một ít cũng có thể xử nhẹ một phần so với can phạm đã lớn và đối với tất cả các loại can phạm này, nói chung, không nên áp dụng hình phạt tử hình”*[27, tr 19]. Qua đó cho ta thấy sự phân hóa về độ tuổi để áp dụng trách nhiệm hình sự cho phù hợp đối với người chưa thành niên phạm tội. Nhưng vẫn phải tuân theo một nguyên tắc là “ áp dụng hình phạt nhẹ hơn so với những đối tượng phạm tội đã thành niên”.

Khi đất nước thống nhất thì việc đưa ra những quy định cụ thể để áp dụng những biện pháp giáo dục pháp luật, giúp cho việc đấu tranh, phòng và chống đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nói riêng và đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung cũng được đặc biệt quan tâm. Cùng với đó thì theo Công văn số 37-NCLP ngày 16/01/1976 của Tòa án; nhân dân tối cao ban hành : *“Đối với những trường hợp người chưa thành niên từ 13 tuổi đến 14 tuổi có những hành vi xâm phạm nghiêm trọng đến tính mệnh, sức khỏe của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự hoặc xâm phạm nghiêm trọng đến tài sản có tính chất hủy hoại thì cá biệt có thể xử phạt về hình sự nếu người đó bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Đối với người chưa thành niên phạm tội thuộc lứa tuổi 14 và 15, chỉ xử phạt về hình sự trong những trường hợp phạm tội nghiêm trọng...”*[28, tr.43]. Cũng chính từ thời điểm đó khái niệm **“người chưa thành niên phạm tội”** được quy định.

Vì vậy việc đưa ra những chính sách pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội ở giai đoạn này là rất cần thiết. Bởi xét xử người chưa thành niên phạm tội là một công tác rất phức tạp đòi hỏi cán bộ xét xử phải am hiểu những kiến thức cần thiết về tâm lý trẻ em, bên cạnh đó còn cần phải có tâm lý mến trẻ và lòng kiên trì. Ngoài ra còn cần liên hệ thường xuyên đối với các cơ quan đoàn thể, Ủy ban thanh thiếu niên, và các cơ quan có trách nhiệm khác. Bởi thế trong giai đoạn này thì việc áp dụng trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội ta có thể rút ra những đặc điểm sau:

+ Cần nhắc về việc không xử lý về hình sự hoặc có thể ưu tiên để áp dụng các biện pháp tư pháp đối với người chưa thành niên phạm tội;

+ Trong trường hợp thấy cần thiết thì ta mới áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội, sau đó ta luôn phải chú trọng tới hiệu quả trong công tác giáo dục, cải tạo đối với người chưa thành niên phạm tội;

+ Đối với các mức hình phạt để áp dụng đối với đối tượng phạm tội này luôn phải được giảm nhẹ hơn so với những người đã thành niên phạm tội tương tự. Khi áp dụng mức hình phạt cho nhóm đối tượng này đặc biệt cần phải phân hóa theo độ tuổi để áp dụng mức hình phạt. Trên nguyên tắc: tuổi càng nhỏ thì mức độ áp dụng hình phạt càng nhẹ.

+ Trong các hình phạt để áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội dù với người đã thành niên phạm tội nhưng vẫn phải thể hiện được sự nghiêm khắc, bên cạnh đó còn thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước đối với những đối tượng này. Tuyệt đối không được áp dụng hình phạt tù chung thân, tử hình đối với người chưa thành niên phạm tội.

Giai đoạn trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 thì những quy định của pháp luật đưa ra để áp dụng CSHS đối người chưa thành niên phạm tội, chủ yếu dựa vào các, báo cáo, thông tư hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao. Đường lối xử lý nhìn chung là đưa ra xét xử tại tòa, còn đối với hình phạt thì vào khoảng “*một phần hai mức án đối với người lớn*”.

Qua đó cho ta thấy trẻ em phải đến một độ tuổi nhất định mới có thể có ý thức, có khả năng nhận thức và tự chủ về hành động của mình và do đó mới có năng lực trách nhiệm hình sự. Ý thức này được mở mang dần dần đi đôi với sự phát triển của cơ thể và phụ thuộc vào tình hình tham gia hoạt động xã hội. Từ đó ta có thể rút ra nhận xét về chính sách pháp luật hình sự áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội ở giai đoạn này như sau:

Thứ nhất, về đường lối xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội là hầu hết các quy định của pháp luật đều cho rằng không nên đưa ra xét xử tại tòa án. Nhưng bên cạnh đó cũng có những ý kiến lại cho rằng cần đưa ra xét xử tại tòa nhưng với những tội nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. Mục đích chính của chính sách pháp luật hình sự đối với của thể này là để đấu tranh có hiệu quả chống hiện tượng thanh, thiếu niên phạm pháp chủ yếu là phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Nhà nước, nhà trường các đoàn thể xã hội và các gia đình trong việc giáo dục đạo đức cho lứa tuổi này. Mặt khác, phải có cần phải có một đường lối xử lý thích hợp đối với loại chủ thể này.

Thứ hai, về tội phạm được quy định đối với những đối tượng là người chưa thành niên phạm tội là việc pháp luật hình sự đã quy định độ tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự; từ 14 tuổi tròn trở lên. Tuy nhiên đối với lứa tuổi từ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ nên truy tố xét xử trong những trường hợp phạm tội nghiêm trọng như; giết người, cướp của, hiếp dâm...(riêng đối với tội hiếp dâm vẫn chủ yếu là giáo dục và chỉ đưa ra xét xử trong trường hợp nghiêm trọng). Đối với lứa tuổi từ 16 tuổi đến 18 tuổi thì xét xử nhưng so với người lớn thì nhẹ hơn

Thứ ba, về hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội ở giai đoạn này chưa quy định rõ ràng mà chủ yếu là những biện pháp giáo dục tập chung cải tạo giáo dục tại gia đình và các tổ chức đoàn thể. Nhìn chung hình phạt áp dụng đối với chủ thể này mới chỉ dừng lại ở án treo và tù giam và chỉ là những án tù ngắn. Không áp dụng hình phạt là chung thân hay tử hình cho những đối tượng phạm tội là người chưa thành niên.

2.2. Chính sách pháp luật hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ở giai đoạn từ năm 1985 – đến năm 1999.

Bộ luật hình sự năm 1985 ra đời trong hoàn cảnh đất nước đã thống nhất, cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trước tình hình đó, đòi hỏi chúng ta phải có một bộ luật Hình sự hoàn chỉnh để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ cách mạng mới. Ngày 27 tháng 6 năm 1985, Bộ luật hình sự đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa 6. Với bản chất là dành một sự quan tâm đặc biệt cho công tác chăm sóc thiếu niên nhi đồng, đặc biệt là lứa tuổi thanh thiếu niên. Trên tinh thần đó Bộ hình sự năm 1985 đã giành hẳn một chương quy định về trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội với tên gọi: *“Những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội”* (Chương VII). Gồm 11 điều từ điều 57 đến điều 67.

Trong Bộ luật này đã nêu ra những qui định cụ thể cụ thể về vấn đề người chưa thành niên phạm tội đó là; việc áp dụng trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, đã được quy định tại Điều 57 *“Người chưa thành niên phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo những quy định của chương này, đồng thời theo những quy định khác của phần chung Bộ luật không trái với những quy định của chương này”*. Đây chính là điểm đổi mới về cơ bản hay còn được hiểu đó là thành công lớn từ năm 1945 cho tới khi có bộ luật Hình sự năm 1985 ra đời. Nó làm thay đổi cách nhìn khi đưa ra những chính sách pháp luật cho phù hợp đối với những đối tượng thanh thiếu niên hư phạm tội trước đó.

Như vậy, khi áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội , thì Tòa án phải căn cứ vào các quy định tại chương VII, trong trường hợp không phù hợp được quy định tại chương này sẽ Tòa án phải áp dụng các quy định khác trong Bộ luật để giải quyết các vấn đề liên quan tới người chưa thành niên phạm tội, từ đó để áp dụng hình phạt đối với chủ thể phạm tội này. Điều 59- BLHS 1985 đã thể hiện và đảm bảo được nguyên tắc xử lý hành vi phạm tội đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Vì thế, khi quyết định và áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cần phải tuân thủ và thực hiện các nguyên tắc sau:

Thứ nhất, việc áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chủ yếu là nhằm giáo dục, giúp đỡ họ nhận ra sai lầm để sửa chữa sai lầm. Việc áp dụng hình phạt đối với đối tượng này cần phải căn cứ và dựa trên cơ sở làm rõ khả năng nhận thức của bản thân người phạm tội, để họ thấy được tính chất nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội gây ra.

Thứ hai, trên nguyên tắc là, chỉ áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong những trường hợp cần thiết, và căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội. Bên cạnh đó còn phải căn cứ vào những đặc điểm về nhân thân của chủ thể đó và những yêu cầu đặt ra của việc phòng, chống tội phạm.

Thứ ba, luôn phải dựa vào nguyên tắc không áp dụng hình phạt tù chung thân và hình phạt tử hình đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Nếu phạt tù có thời hạn, thì Tòa án cho đối tượng phạm này được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đã thành niên. Theo đó, việc áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội trước tiên vẫn phải căn cứ vào nguyên tắc áp dụng hình phạt của Bộ luật.

+ Về đường lối xử lý: Cũng được quy định rất cụ thể tại Điều 59 BLHS 1985

“1- Việc xử lý hành vi phạm tội của người chưa thành niên chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Trong mọi trường hợp điều tra, truy tố, xét xử hành vi phạm tội của người chưa thành niên, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải xác định khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm.

2- Đối với người chưa thành niên phạm tội, Viện kiểm sát và Tòa án áp dụng chủ yếu những biện pháp giáo dục, phòng ngừa; gia đình, nhà trường và xã hội có trách nhiệm tham gia tích cực vào việc thực hiện những biện pháp ấy.

3- Viện kiểm sát có thể quyết định miễn truy cứu trách nhiệm hình sự người chưa thành niên phạm tội nếu người đó phạm tội ít nghiêm trọng, gây hại không

lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và nếu được gia đình và tổ chức xã hội nhận trách nhiệm giám sát, giáo dục.

Chỉ đưa người chưa thành niên phạm tội ra xét xử và áp dụng hình phạt đối với họ trong những trường hợp cần thiết, căn cứ vào tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội, vào những đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa.

4- Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình người chưa thành niên phạm tội. Khi phạt tù có thời hạn, Toà án cho người chưa thành niên phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đã thành niên.

Người chưa thành niên phạm tội phải được giam riêng.

Không xử phạt tiền và không áp dụng các hình phạt bổ sung đối với người chưa thành niên phạm tội.

5- án đã tuyên đối với người phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm”.

Trong Bộ luật này những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không có quy định riêng đối với hình phạt cảnh cáo, còn các hình phạt khác thì đều có quy định cụ thể riêng biệt. Đối với hình phạt cải tạo không giam giữ, thì ngoài việc tuân thủ các quy định chung áp dụng cho hình phạt này thì, Điều 63 quy định: *“Khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội thì không khấu trừ thu nhập của người đó”.*

Đối với hình phạt tù có thời hạn tại Điều 64 như sau:

1. Nếu điều luật quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi trở lên khi phạm tội là hai mươi năm tù và đối với người đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi khi phạm tội là mười lăm năm tù.

2. Nếu điều luật quy định hình phạt cao nhất là hai mươi năm tù thì mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội là không quá mười hai năm tù”.

Như vậy, có thể thấy, đối với điều luật quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình thì ở đó đã có sự phân hóa để khi áp dụng hình phạt

đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Từ đó, ta thấy người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi trở lên sẽ bị áp dụng hình phạt nặng hơn so với những người chưa thành niên phạm tội mà chưa đủ 16 tuổi. Tuy nhiên, Bộ luật Hình sự năm 1985 lại không đưa ra những quy định cụ thể về việc phân hóa khi áp dụng hình phạt cho từng đối tượng đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi với chưa đủ 16 tuổi. Chính vì vậy điều luật quy định khoản 2 là hình phạt cao nhất là hai mươi năm tù.

Như vậy đã quy định về hình phạt và các biện pháp tư pháp để áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội nó thể hiện hai nội dung.

Một là, Buộc phải chịu trách nhiệm về việc họ đã thực hiện những hành vi phạm tội theo quy định của Luật hình sự.

Hai là, Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

+ **Về hình phạt:** Tổng hợp hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nói chung và đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nói riêng đều được pháp luật điều chỉnh và quan tâm. Ta thấy Bộ luật hình sự năm 1985- Điều 65; *“Đối với người phạm nhiều tội, có tội phạm trước khi đủ 18 tuổi, có tội phạm sau khi đủ 18 tuổi, thì việc tổng hợp hình phạt áp dụng như sau:*

1- Nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi thì hình phạt chung không được vượt mức hình phạt cao nhất quy định ở Điều 64.

2- Nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi thì hình phạt chung áp dụng như đối với người đã thành niên phạm tội”. Bộ luật hình sự năm 1999 việc tổng hợp hình phạt được quy định tại Điều 70; “Đối với người phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 18 tuổi, thì việc tổng hợp hình phạt áp dụng như sau:

1. Nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 74 của Bộ luật này;

2. Nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung áp dụng như đối với người đã thành niên phạm tội”. Bên cạnh những quy định, về giảm hình phạt đã được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, thì

việc giảm hình phạt còn được áp dụng theo nguyên tắc có lợi hơn: Điều 66 – BLHS năm 1985; *“Người chưa thành niên bị kết án nếu cải tạo tốt thì được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt vào thời gian sớm hơn hoặc với mức cao hơn so với thời gian và mức quy định ở Điều 49*

Từ đó cho ta thấy BLHS năm 1985 đã chỉ ra các quy tắc riêng thể hiện chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, trong đó đã quy định về mức độ áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội mà ở giai đoạn trước năm 1985 chưa nêu cụ thể về mức hình phạt.

Cùng với sự phát triển của đất nước, góp phần vào công tác đấu tranh phòng và chống các loại tội phạm. Năm 1999 lại là năm đánh dấu bước phát triển của hệ thống khoa học pháp lý. Cụ thể Bộ luật hình sự thứ hai từ năm 1945 của nước ta chính thức được ra đời, để cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước phù hợp với tình hình của đất nước. Bộ luật hình sự năm 1999 là văn bản pháp lý quan trọng, cũng là vũ khí sắc bén trong công cuộc đấu tranh phòng và chống tình hình các tội phạm gia tăng.

+ Về tội phạm và biện pháp tư pháp

BLHS năm 1985 đã chỉ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội tại Điều 58;

“1- Người từ 14 tuổi trở lên những chưa đủ 16 tuổi phải trách nhiệm hình sự về những tội phạm nghiêm trọng do cố ý.

2- Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm”. Đây là một trong những sự tiến bộ so với những quy định của pháp luật hình sự đối với những đối tượng là thanh thiếu niên phạm tội ở giai đoạn trước năm 1985. Đối với các biện pháp tư pháp dành cho người chưa thành niên phạm tội cũng được quy định rất rõ rệt tại Khoản 1 Điều 60

“1- Các biện pháp tư pháp có tính chất giáo dục, phòng ngừa do Toà án quyết định gồm có:

- Buộc phải chịu thử thách;*
- Đưa vào trường giáo dưỡng.”*

Bộ luật hình sự năm 1999 được Quốc hội khóa X thông qua ngày 21/12/1999 có hiệu lực ngày 1/7/ 2000 trên cơ sở kế thừa và phát huy giá trị của BLHS năm 1985. Cũng giống như luật hình sự năm 1985 Bộ luật hình sự năm 1999 cũng giành chọn một chương để quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội . Cụ thể được quy định tại chương X từ Điều 68 đến Điều 77. So với Bộ luật Hình sự năm 1985 thì bộ luật hình sự năm 1999 có thay đổi, tiến bộ rõ rệt cụ thể là:

+ **VỀ CĂN CỨ ÁP DỤNG;** việc ghi nhận “*Người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo những quy định của Chương này*”. – Điều 68 của bộ luật này.

+ **VỀ ĐƯỜNG LỐI XỬ LÝ:** Đối của Bộ luật này cũng quy định cụ thể tương đối rõ ràng tại Điều 69;

“1. Việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Trong mọi trường hợp điều tra, truy tố, xét xử hành vi phạm tội của người chưa thành niên, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải xác định khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm.

2. Người chưa thành niên phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự, nếu người đó phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, gây hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục.

3. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự người chưa thành niên phạm tội và áp dụng hình phạt đối với họ được thực hiện chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội, vào những đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm.

4. Khi xét xử, nếu thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội, thì Tòa án áp dụng một trong các biện pháp tư pháp được quy định tại Điều 70 của Bộ luật này.

5. *Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người chưa thành niên phạm tội. Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người chưa thành niên phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng”*

Không áp dụng hình phạt tiền đối với người chưa thành niên phạm tội ở độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người chưa thành niên phạm tội.

6. *Án đã tuyên đối với người chưa thành niên phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi, thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm”.*

Như vậy ta thấy CSHS đối với người chưa thành niên phạm tội của Nhà nước ta mang tinh nhân đạo sâu sắc. Đây cũng là truyền thống đã tồn tại trong suốt bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước của nhân dân ta, nó thể hiện tâm hồn cao thượng của dân tộc ta trước kẻ thù xâm lược nói chung và trước những con người đã chót làm lỡ sau đó họ đã biết ăn năn, hối cải. Chính vì thế CSHS luôn luôn thể hiện sâu sắc tính nhân đạo đối với người phạm tội nói chung và người phạm tội là những người chưa thành niên nói riêng. Vì họ là những người còn non trẻ chưa nhận thức đúng đắn về cách sống và sự hiểu biết xã hội cũng như pháp luật chưa cao, một điều quan trọng hơn cả là chính họ cũng là một phần trong thế hệ tương lai của đất nước. Vì thế ta thấy việc áp dụng hình phạt đối với những đối tượng này cũng được quy định rất rõ rệt khác với những đối tượng phạm tội đã thành niên không áp dụng hình phạt tù chung thân hay tử hình, hình phạt tù có thời hạn thì hạn chế được áp dụng ở mức nhẹ hơn so với người đã thành niên phạm tội tương ứng.

Việc xử lý trách nhiệm hình sự đối với đối tượng này chủ yếu là nhằm giáo dục cải tạo và giúp họ sửa chữa những sai lầm, phát triển lành mạnh trở thành công dân có ích cho xã hội (Khoản 1 Điều 69 BLHS năm 1999). Bởi người chưa thành niên phạm tội họ đang ở độ tuổi phát triển nên những ảnh hưởng sẽ ăn sâu vào trong tiềm thức của họ. Vì thế việc xử lý luôn là nhằm giáo dục, cải tạo chứ không phải là trừng trị họ. Việc xử lý trách nhiệm hình sự đối với những đối tượng này chỉ được đặt ra khi thấy thật sự cần thiết, đó là khi áp dụng những biện pháp giáo dục, tác động.

Điểm đổi mới về đường lối xử lý:

Một là, BLHS năm 1999 có đưa thêm vào hình thức phạt tiền là hình phạt chính dành để áp dụng cho đối tượng phạm tội từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi, trong hình phạt đối với đối tượng này. Đây là điểm đổi mới so với BLHS năm 1985 được thể hiện làm nhẹ đi trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội chưa thành niên nhưng họ đã có tài sản riêng hoặc thu nhập riêng. Đó cũng là điểm mới góp phần trong CSHS đối với những người chưa thành niên phạm tội. Điều này cũng hợp với luật Lao động khi nghỉ nhận về chủ thể.

Hai là, Về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội (Điều 69) ở Bộ luật hình sự năm 1999 có đổi mới hơn so với Bộ luật năm 1985 đó là việc bổ sung thêm khoản 5; “Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người chưa thành niên phạm tội. Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người chưa thành niên phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng.

Không áp dụng hình phạt tiền đối với người chưa thành niên phạm tội ở độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người chưa thành niên phạm tội”.

+ **Về áp dụng hình phạt:** Bên cạnh đó hình phạt tù có thời hạn ở hai Bộ luật này cũng có điểm khác nhau rõ rệt. Cụ thể là ở BLHS năm 1985 quy định tại Điều 64;

“1- Nếu điều luật quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi trở lên khi phạm tội là hai mươi năm tù và đối với người đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi khi phạm tội là mười lăm năm tù.

2- Nếu điều luật quy định hình phạt cao nhất là hai mươi năm tù thì mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội là không quá mười hai năm tù”. BLHS năm 1999 lại quy định tại Điều 71;

“1. Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá mười tám năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định;

2. Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá mười hai năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định”.

+ **Tổng hợp hình phạt:** Kế thừa những ưu điểm của Bộ luật Hình sự năm 1985, Bộ luật Hình sự năm 1999 cũng đưa ra các quy định trong trường hợp người chưa thành niên phạm nhiều tội, cả trong đó có tội phạm trước khi đủ 18 tuổi và có tội phạm sau khi đủ 18 tuổi, thì việc tổng hợp hình phạt áp dụng được thực hiện theo quy định tại Điều 75 của bộ luật này như sau:

“1. Nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 74 của Bộ luật này; 2. Nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung áp dụng như đối với người đã thành niên phạm tội”.

Điểm khác với Bộ luật Hình sự năm 1985, Bộ luật Hình sự năm 1999 đưa ra quy định việc giảm hình phạt đã tuyên ở các trường hợp cụ thể hơn và đối với từng loại hình phạt giúp cho việc áp dụng hình phạt được tốt và có hiệu quả. Như:

“1. Người chưa thành niên bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù, nếu có nhiều tiến bộ và đã chấp hành được một phần tư thời hạn, thì được Tòa án xét giảm; riêng đối với hình phạt tù, mỗi lần có thể giảm đến bốn năm nhưng phải bảo đảm đã chấp hành ít nhất là hai phần năm mức hình phạt đã tuyên.

2. Người chưa thành niên bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù, nếu lập công hoặc mắc bệnh hiểm nghèo, thì được xét giảm ngay và có thể được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại.

3. Người chưa thành niên bị phạt tiền nhưng bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra hoặc lập công lớn, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát, Tòa án có thể quyết định giảm hoặc miễn việc chấp hành phần tiền phạt còn lại.”

Bộ luật hình sự dành riêng một chương quy định về chính sách và đường lối xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội vì lứa tuổi này còn bồng bột, chưa đủ khả năng

để cân nhắc về thực hiện hành vi của mình, còn thiếu kinh nghiệm xã hội và dễ bị ảnh hưởng bởi tác động môi trường xấu từ bên ngoài.

2.3. Chính sách pháp luật; hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ở giai đoạn từ năm 2015 cho đến nay

BLHS năm 2015 được Quốc hội khóa 13 thông qua tại kỳ họp thứ 10 ngày 27/11/2015. So với BLHS năm 1999 thì BLHS năm 2015 đư coi là hoàn thiện về CSHS đối với; người dưới 18 tuổi phạm tội nhằm thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng Nhà nước ta, qua đó tăng cường bảo vệ, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội nói chung và xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nói riêng. Đã được ghi nhận thông qua Nghị quyết số 49/NQ-TW. Bên cạnh đó việc hoàn thiện CSHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nhằm đảm bảo sự phù hợp, tương tích giữa các quy định của BLHS năm 2015 với các Công ước về quyền trẻ em, nó thể hiện sự cam kết của Việt Nam với tư cách là thành viên thực hiện Công ước này. Trong Nghị quyết số 49/ NQ-TW, Bộ chính trị đã chỉ rõ phải *“coi trọng việc hoàn thiện CSHS, và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa; và tính; hướng thiện; trong việc xử; lý người; phạm tội. Giảm hình phạt tù; mở rộng; áp dụng; hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số tội phạm hạn chế áp dụng hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số tội phạm...”*.

Cũng giống như BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999, thì BLHS năm 2015 cũng giành chọn cả chương XII để quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Cụ thể Chương XII gồm 18 Điều, bắt đầu từ Điều 90 đến điều 107. Trong đó quy định 4 mục khác nhau. Nhìn về cơ cấu của những nội dung quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội của BLHS năm 2015 ta có thể thấy là Bộ luật được đổi mới toàn diện cả về cơ cấu và nội dung thể hiện. Trên cơ sở đó BLHS năm 2015 đã sửa đổi bổ sung các CSHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tập trung ở những vấn đề sau, đó cũng là điểm đổi mới về cơ bản so với 2 BLHS(năm 1985 và 1999) trước đó:

+ Sửa đổi những thuật ngữ: “từ người chưa thành niên phạm tội là những người từ đủ 14 đến dưới 18 tuổi, trẻ em phạm tội là những người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi” cho tới nay khi có BLHS năm 2015 ra đời thì cụm từ thuật ngữ đó được thay thế “đối với người dưới 18 tuổi phạm tội”. Sự thay đổi về cụm từ dành cho đối tượng chưa thành niên này được thay đổi nó phù hợp với thuật ngữ về quyền trẻ em (2016) và Công ước về quyền trẻ em.

+ Bên cạnh việc đổi mới về thuật ngữ thì vấn đề đổi mới về cơ cấu, kỹ thuật lập pháp cũng được đặt ra đó là việc được chia thành các mục trong chương. CSHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại chương XII (từ Điều 70- Điều 107) được chia thành 5 mục. Như vậy rất rõ ràng và khoa học: Mục 1 Quy định chung về vấn đề xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Mục này gồm 02 điều; Áp dụng Bộ luật Hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội(Điều 90) và Nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội(Điều 91). Mục 2; Các biện pháp giám sát, giáo dục, áp dụng trong trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự, gồm; Điều kiện áp dụng - Điều 92, Khiển trách - Điều 93, Hòa giải tại cộng đồng – Điều 94 , Giáo dục tại xã, phường, thị trấn- Điều 95. Mục 3; Biện pháp tư pháp, giáo dục tại trường giáo dưỡng gồm 02 Giáo dục tại trường giáo dưỡng - Điều 96 , Chấm dứt trước thời hạn biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng- Điều 97. Mục 4 gồm 04 điều; Các hình phạt được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội- Điều 98, Phạt tiền- Điều 99, Cải tạo không giam giữ - Điều 100, Tù có thời hạn – Điều 101. Mục 05 gồm 06 điều; Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt- Điều 102, Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội – Điều 103, Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án – Điều 104, Giảm mức hình phạt đã tuyên- Điều 105, Tha tù trước thời hạn có điều kiện- Điều 106, Xóa án tích- Điều 107.

+ **Đường;lối xử;lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.** So với 02 BLHS (năm 1985, năm 1999) trước đó thì BLHS năm 2015 có sửa đổi bổ sung năm 2017 có sự đổi mới cơ bản và cụ thể hơn rất nhiều; Theo Khoản 1- Điều 91 “1. Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi

và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải căn cứ vào độ tuổi, khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm”. Về miễn trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cũng được BLHS năm 2015 mang hướng mở rộng về phạm vi hơn so với BLHS năm 1999, có thêm tình tiết giảm nhẹ hoặc tự nguyện khắc phục.

+ **Phạm vi áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội** được BLHS năm 2015 khắc phục hơn: đó là việc sửa đổi theo hướng giới hạn hơn về phạm vi TNHS của người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ ở 04 nhóm tội, đó là: xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người; các tội phạm xâm phạm sở hữu; các tội phạm về ma túy và các tội phạm xâm phạm về an toàn công cộng.

+ **Đổi mới biện pháp, giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp miễn TNHS.** Trong đó BLHS năm 2015 đã quy định 03 biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS (Điều 93, Điều 93, Điều 95). Biện pháp hòa giải tại cộng đồng là biện pháp mới trong TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được ghi nhận trong BLHS năm 2015.

+ **Hình thức phạt cải tạo không giam giữ** của BLHS năm 2015 có mở rộng phạm vi áp dụng so với 02 BLHS trước đó. Như hình phạt này không chỉ áp dụng đối với những chủ thể là từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi như trước kia mà nay còn áp dụng cho cả những đối tượng từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội.

+ **Xóa án tích đối với người dưới 18 tuổi bị kết án.** BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung quy định về xóa án tích đối với người dưới 18 tuổi bị kết án theo hướng đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong xử lý người phạm tội, đồng thời tăng cường việc thực hiện chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước đối với người bị kết án là người dưới 18 tuổi, để nhằm bảo vệ quyền lợi của các em để các em có nhiều cơ hội tái hòa nhập với cộng đồng một cách tốt nhất.

+ **Thông qua những điểm đổi mới của BLHS năm 2015** so với BLHS năm 1985 và năm 1999 giúp ta thấy được: CSHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để

thể hiện rất rõ ràng về tư tưởng xuyên suốt từ điều 90 đến điều 107. Đó là nhằm giúp đỡ các em sửa chữa những sai lầm, phát triển tốt để trở thành công dân có ích cho gia đình và cho xã hội. Đây chính là nguyên tắc quan trọng trong việc xây dựng và thực hiện CSHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, thông qua đó thể hiện được tính nhân đạo trong việc xây dựng chính sách nói chung và CSHS nói riêng. Cũng từ đó giúp cho việc Việt Nam thống nhất để thực hiện tốt những quy định của Công ước quốc tế đối với trẻ em. Tất cả những nguyên tắc mà CSHS đưa ra áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để nhằm bảo vệ lợi ích cho người dưới 18 tuổi phạm tội. Trên những nội dung được ghi nhận Chương XII từ Điều 90- Điều 107 bao gồm những nội dung sau:

- Nguyên tắc xử lý và các hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội
- Biện pháp tư pháp để áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội
- Tổng hợp hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội
- Giảm hình phạt đã tuyên và xóa án tích đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Những nội dung trên phù hợp với đối tượng áp dụng đó là những người dưới 18 tuổi phạm tội, họ chưa phát triển hoàn thiện về thể lực và trí lực, ở đó họ là những người hạn chế về mặt nhận thức, kinh nghiệm sống vì thế khả năng lựa chọn hành vi chuẩn mực chưa cao, họ là những người dễ bị kích động, lôi kéo, xúi dục làm những điều xấu. Bên cạnh đó với độ tuổi của họ thì họ lại thích khám phá những hoạt động mạo hiểm nên dễ dẫn đến việc họ thực hiện hành vi phạm tội. Chính vì thế khi xây dựng CSHS để áp dụng đối với những đối tượng này là phải đạt được mục đích là giáo dục, giúp đỡ họ nhận ra sai lầm và giúp họ cải tạo sửa chữa những sai lầm đó để trở thành công dân có ích cho xã hội. Với quan điểm nhất quán trong việc bảo vệ trẻ em, bảo vệ người chưa thành niên, Nhà nước Việt Nam đã tham gia công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em và thúc đẩy việc hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo vệ quyền trẻ em, trong đó đã dành sự quan tâm đặc biệt cho đối tượng trẻ em vi phạm luật được luật hình sự ghi nhận trong BLHS năm 2015 là người dưới 18 tuổi phạm tội. CSHS của Nhà nước ta đối với đối tượng này trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là nhằm giúp đỡ, cải tạo, giáo dục để họ nhận ra sai lầm, từ đó sửa chữa những sai lầm

của mình tạo điều kiện để các em có điều kiện tái hòa nhập cộng đồng. Kế thừa nguyên tắc nhân đạo nêu trên thì luật Bộ luật hình sự năm 2015 đã có những sửa đổi quan trọng về CSHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được thể hiện ở phạm vi chịu TNHS của người dưới 18 tuổi và CSHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Tóm lại BLHS năm 2015 là Bộ luật đổi mới mang tính dần dần được hoàn thiện hơn nhưng vẫn luôn thể hiện tính nhân đạo, đổi mới để đáp được nhu cầu chuẩn mực với Quốc tế về quyền con người và Công ước quốc tế về quyền trẻ em.

Bộ luật hình sự năm 2015 ra đời tiến bộ hơn, nhân đạo hơn nó đáp ứng được những yêu cầu chuẩn mực của quốc tế đối với Công ước về quyền trẻ em. Nhà nước Việt Nam; đã tham gia Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em và đã thúc đẩy tới việc hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo vệ quyền trẻ, trong đó đã dành sự quan tâm đặc biệt cho;những đối tượng trẻ em vi phạm pháp luật, nhất là những trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội. Chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được thể hiện là nhằm giúp đỡ, cải tạo, giáo dục để người đó tự nhận ra sai lầm, từ đó sửa chữa những sai lầm của mình, tạo điều kiện để các em có khả năng tái hòa nhập cộng đồng. Kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc và nguyên tắc nhân đạo khi xây dựng pháp luật Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung của năm 2017 cũng đã có những sửa đổi quan trọng trong chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội;

+ Phạm vi chịu trách nhiệm hình sự đã phân rõ ra 02 nhóm phải chịu trách nhiệm hình sự; nhóm từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và nhóm từ 16 tuổi trở lên. Đặc biệt sửa đổi phạm vi chịu trách nhiệm hình sự cho nhóm người từ 14 tuổi nhưng chưa đủ 14 tuổi.

+ Về chính sách xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là xử lý theo nguyên tắc phải đảm bảo lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi phạm tội được ghi nhận tại Khoản 1,6 Điều 91. Ngoài ra còn;có nguyên tắc “ Khi xét xử nếu thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với người;chưa thành niên phạm tội, thì Tòa án áp dụng một trong các biện pháp tư pháp được quy định tại Điều 70 Bộ luật này”. Bên cạnh đó phạm vi miễn trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cũng được thu hẹp hơn so với BLHS năm 1999. Mở rộng phạm vi không

bị coi là có án tích đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cũng được thay đổi hơn so với bộ luật hình sự trước đó.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

Toàn bộ nội dung của chương 2, CSHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội về cơ bản được thể hiện thông qua các giai đoạn ra đời và phát triển của Pháp luật hình sự nói riêng và Hệ thống pháp luật nói chung. Thông qua đó tác giả có liệt kê, phân tích, so sánh những điểm đổi mới về các quy định của CSHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ở Việt Nam bằng những minh chứng thông qua các giai đoạn. Từ đó rút ra những nội dung chính như sau:

Thứ nhất, cân nhắc đối việc không xử lý về hình sự hoặc ưu tiên áp dụng biện pháp tư pháp hay việc cân nhắc áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội là hết sức cần thiết, bởi nó phù hợp với trình độ nhận thức và tâm lý của đối tượng cũng như tính nhân đạo của Nhà nước ta.

Thứ hai, mức hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội phải được giảm nhẹ hơn so với những người đã thành niên phạm các tội tương tự và quan trọng là phải được phân hóa theo cấp độ tuổi tuân thủ theo; nguyên tắc tuổi càng nhỏ thì mức độ; giảm nhẹ TNHS càng lớn.

Thứ ba, hình phạt để áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội phải thể hiện được sự nghiêm khắc và mang được tính khoan hồng của Nhà nước, tuyệt đối không được áp dụng hình phạt tù chung thân, tử hình đối với người chưa thành niên phạm tội.

Thông qua đó CSHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội của Nhà nước ta phải là được xây dựng dựa trên nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa, lấy giáo dục, phòng ngừa là nguyên tắc cơ bản xuyên suốt quá trình xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Nó sẽ phù hợp với truyền thống tốt đẹp của dân tộc và đúng với giá trị chung của nền văn minh nhân loại.

CHƯƠNG 3
SO SÁNH CHÍNH SÁCH HÌNH SỰ VIỆT NAM ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18
TUỔI PHẠM TỘI QUA CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA
PHÁP LUẬT HÌNH SỰ

3.1. So sánh chính sách pháp luật hình sự Việt Nam về đường lối xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội qua các giai đoạn phát triển của pháp luật hình sự

3.1.1. Những điểm tương đồng

Đường lối xử lý đối với người dưới 18 tuổi được thể hiện rõ nét nhất qua hai nội dung chính đó là độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự (TNHS) và nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Tuổi chịu TNHS là một vấn đề không thể thiếu trong pháp luật hình sự của mỗi quốc gia, thể hiện quan điểm của Nhà nước về cách thức xử lý người phạm tội, vừa đảm bảo trật tự an toàn cho xã hội nhưng phải đạt được mục đích bảo vệ quyền con người, đặc biệt là quyền của người chưa thành niên, kể cả khi họ thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Đặc điểm chung của người dưới 18 tuổi, đặc biệt là những người dưới 18 tuổi phạm tội là đang trong giai đoạn chuyển hóa từ “trẻ con” thành “người lớn”, lối sống còn khá bản năng, kinh nghiệm xử lý các tình huống xảy ra trong các quan hệ xã hội không nhiều, khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của họ cũng còn hạn chế nên dễ bị kích động, dụ dỗ, lôi kéo vào việc thực hiện tội phạm. Mặc dù vậy, đây lại là đối tượng dễ uốn nắn, cải tạo và giáo dục hơn so với người đã thành niên. Do đó, Nhà nước luôn có chính sách đặc biệt khi áp dụng các chế tài hình sự đối với họ và yếu tố đầu tiên và quan trọng nhất trong vấn đề này là độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Ở một mức độ nào đó, độ tuổi chịu TNHS cũng mang tính lịch sử, tức là nó sẽ thay đổi theo thời gian khi pháp luật nhận thấy cần phải tăng hoặc giảm độ tuổi chịu TNHS của người dưới 18 tuổi phạm tội để đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm trên thực tế.

Đối với pháp luật hình sự Việt Nam, trải qua ba giai đoạn của BLHS đều ghi nhận một quy định chung về độ tuổi chịu TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, đó là người từ đủ 14 tuổi trở lên phải chịu TNHS. Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi, BLHS qua các giai đoạn đều phân loại ra hai nhóm để có chính sách hình sự khác nhau, đó là nhóm từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và nhóm từ đủ

16 tuổi trở lên. Việc xác định những giới hạn độ tuổi thích hợp, đặc biệt là độ tuổi tối thiểu chịu trách nhiệm hình sự luôn là vấn đề khó khăn khi xây dựng chính sách hình sự ở mỗi quốc gia để phù hợp với các điều ước quốc tế. Theo Điều 1 Công ước quốc tế về quyền trẻ em được Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 20/11/1989, có ghi nhận “*trong phạm vi công ước này, trẻ em có nghĩa là người dưới 18 tuổi...*”. Tuy nhiên, Công ước này không thiết lập được một độ tuổi cụ thể chung mà mỗi quốc gia đều có cấu trúc các độ tuổi phạm tội phụ thuộc vào chính sách hình sự, khách thể bảo vệ của luật hình sự và thực tiễn của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nhìn chung, đa số các nước quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự là từ 14 tuổi.

Về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Trước khi có BLHS đầu tiên, tuy chưa có hoàn chỉnh các nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội nhưng cũng đã có một số nguyên tắc cơ bản được đề cập tại sách báo pháp lý hoặc văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cấp ngành. Ví dụ: bản tổng kết số 452-HS2 ngày 10/8/1970 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn việc xét xử đối với người chưa thành niên phạm tội giết người, Chuyên đề sơ kết kinh nghiệm về việc xét xử vụ án về người chưa thành niên phạm tội gửi kèm công văn số 37-NCPL ngày 16/01/1976 của Tòa án nhân dân tối cao. Chính từ các văn bản này, những nguyên tắc đầu tiên trong việc xử lý người chưa thành niên phạm tội đã manh nha hình thành và chính thức được pháp điển hóa tại BLHS đầu tiên năm 1985 và hoàn thiện ở các BLHS sau này.

BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 đều dành riêng một chương quy định về chính sách xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội. Chính sách này được xây dựng dựa trên đặc điểm đặc thù của người chưa thành niên là sự hạn chế về nhận thức, bao gồm các nguyên tắc xử lý đối với họ khi họ thực hiện tội phạm. Có thể nói đây là biểu hiện sinh động nhất của chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, xuất phát từ quan điểm cho rằng đây là độ tuổi cần được giáo dục, rèn luyện, vì vậy những sai lầm, vi phạm của họ cần phải được nhìn nhận dưới góc độ hướng thiện với trách nhiệm của cả cộng đồng.

Nguyên tắc đầu tiên trong việc xét xử người dưới 18 tuổi được nhấn mạnh trong mọi giai đoạn pháp luật đó là chủ yếu nhằm mục đích “*giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã*

hội” Khoản 1 Điều 59 BLHS 1985. Khi xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội, cần xác định “khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm” Khoản 1 Điều 69 BLHS 1999 và khoản 1 Điều 91 BLHS 2015. “Việc truy cứu trách nhiệm hình sự người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào các yếu tố như đặc điểm nhân thân, tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm” Khoản 1,3 Điều 59,69,91 BLHS 1985,1999,2015. Từ những quy định này có thể thấy, việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi chỉ trong trường hợp đã xem xét đủ các yếu tố về nhân thân (đặc điểm tâm sinh lý, khả năng nhận thức) của người dưới 18 tuổi; tính chất mức độ của hành vi và sự cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự để đảm bảo yêu cầu của thực tiễn trong việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Chúng ta đều biết, người dưới 18 tuổi hầu hết đều thiếu hụt và non nớt về kiến thức, kinh nghiệm; các hoạt động hàng ngày của họ nằm trong sự kiểm soát của gia đình và nhà trường, chính vì vậy khi họ thực hiện những hành vi nguy hiểm thì một phần trách nhiệm trong đó thuộc về gia đình, nhà trường và toàn xã hội trong việc nuôi dạy và giáo dục họ. Do vậy, mục tiêu của nguyên tắc này hướng đến việc giáo dục, răn đe, tạo điều kiện cho họ sửa sai, cải tạo hơn là truy cứu đến cùng để trừng phạt, nghiêm trị. Đây là nguyên tắc chung, bao trùm và chi phối nội dung các nguyên tắc còn lại trong xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội, thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của hệ thống pháp luật hình sự nước ta và nó hoàn toàn phù hợp với tinh thần của các văn kiện pháp lý quốc tế về tư pháp hình sự đối với NCTN. Nguyên tắc này nhằm mục đích bảo vệ quyền của NCTN và vì lợi ích tốt nhất của NCTN. Đây được coi là nguyên tắc cốt lõi của tất cả các hoạt động liên quan đến người dưới 18 tuổi. Điều này đã được ghi nhận tại Điều 3 của Công ước;Liên hợp quốc về quyền trẻ em

Luật hình sự Việt Nam qua các giai đoạn đều quy định không áp dụng hình phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xử phạt tù có thời hạn tòa án cho người dưới 18 tuổi phạm tội hưởng mức án tù nhẹ hơn mức án tù áp dụng đối người đã thành niên phạm tội tương đương không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi không áp dụng hình phạt tiền và án đã tuyên đối với người chưa đủ 16 tuổi phạm tội thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Điểm nhấn trong tinh thần

chung của chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội qua các BLHS đó là đều giữ vững quan điểm “*không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình*” đối với người chưa thành niên (người dưới 18 tuổi) phạm tội Khoản 4,5 Điều 59,69,91 BLHS 1985,1999,2015. Quy định này hoàn toàn phù hợp với Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966, cụ thể là khoản 5 Điều 6 quy định: “*Không được phép tuyên hình phạt tử hình đối với người phạm tội dưới 18 tuổi*” và Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em, Điều 37(a) quy định: “*Hình phạt tử hình hoặc tù chung thân sẽ không được áp dụng với những người dưới 18 tuổi ở thời điểm thực hiện hành vi phạm tội*”. Tính chất trừng phạt của pháp luật hình sự hiện đại chỉ mang tính giáo dục người phạm tội và răn đe những người có ý định phạm tội, chứ không có tính chất trả thù. Việc xử tử hình một ai đó không nhằm mục đích trả thù cho nạn nhân, mà chỉ nhằm mục đích răn đe những ai có ý định phạm tội tương tự. Theo quan điểm của phần lớn các nhà làm luật, chỉ áp dụng hình phạt tương đương với mức độ nhận thức của đối tượng khi phạm tội. Người dưới 18 tuổi thường chưa phát triển đầy đủ về thể chất, đặc biệt là về tâm sinh lý, thiếu kinh nghiệm, bản lĩnh cuộc sống, khả năng tự kiểm chế thấp. Vì vậy, họ không thể nhận thức đầy đủ tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội do mình gây ra.

Lời mở đầu Tuyên ngôn của Liên hiệp quốc về quyền trẻ em (1959) đã xác định: “*Trẻ em do chưa trưởng thành về tinh thần và thể lực, cần có sự chăm sóc và bảo vệ đặc biệt, bao gồm sự bảo vệ pháp lý đặc biệt*”. Sự bảo vệ pháp lý đặc biệt ấy bao gồm cả việc trẻ em phạm tội sẽ được xét xử và áp dụng hình phạt đặc biệt so với những người đã đủ 18 tuổi phạm cùng một tội danh. Quy định không áp dụng hình phạt tử hình đối với những người dưới 18 tuổi thể hiện sự nhân văn của pháp luật. Dù phạm tội với tính chất rất nghiêm trọng nhưng những tội phạm này vẫn còn chưa đủ tuổi trưởng thành, vẫn còn cơ hội để giáo dục họ trở thành người tốt thay vì triệt tiêu con đường sống của họ thông qua hình phạt tử hình.

Nguyên tắc này cũng đã được nhiều quốc gia khác trên thế giới ghi nhận như BLHS Liên bang Nga năm 1995 quy định: “*Không áp dụng tù chung thân đối với người chưa đủ 18 tuổi*”, “*Tử hình không áp dụng đối với người chưa đủ 18 tuổi*”[6]; BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 1979 quy định: “*Tử hình chỉ được áp dụng đối với những người phạm tội nghiêm trọng nhất trừ người phạm tội là người chưa đủ 18 tuổi khi xét xử*”[7]. Đặt trong sự so sánh với quy định của các

quốc gia về trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội có thể thấy pháp luật hình sự Việt Nam nhân đạo và đã có sự tương đồng với xu thế chung của thế giới trong việc lựa chọn, xây dựng, áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Như vậy về cơ bản, BLHS 2015 vẫn kế thừa hầu hết những đường lối xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội của các BLHS cũ.

3.1.2. Những điểm khác biệt

Về nguyên tắc xử lý, chính sách hình sự mới nhất hiện nay đã ghi nhận những sửa đổi, bổ sung cần thiết trong nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội nhằm hoàn thiện hơn chính sách tư pháp đối với nhóm đối tượng đặc biệt này, đồng thời cũng để nhằm phù hợp hơn với các quy định của pháp luật quốc tế. Trước đó, BLHS năm 1999 gần như kế thừa lại toàn bộ các quy định cũ của BLHS năm 1985 về nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội. Sự khác biệt là không đáng kể, chủ yếu nằm ở hình thức diễn đạt nội dung và hình thức trình bày Điều khoản. Sự tiến bộ chỉ nhìn thấy rõ rệt nhất khi BLHS năm 2015 ra đời. Theo đó, Điều 91 BLHS năm 2015 về nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội đã sửa đổi, bổ sung Điều 69 BLHS năm 1999 về nguyên tắc xử lý NCTN phạm tội theo hướng hoàn thiện hơn các nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm theo tinh thần của Công ước Quyền trẻ em và các chuẩn mực quốc tế khác có liên quan. Sự thay đổi này hàm chứa nhiều ý nghĩa, một mặt nó bảo đảm hiệu quả của việc giáo dục, răn đe người dưới 18 tuổi phạm tội và ngăn ngừa khả năng tái phạm, khả năng thực hiện mới hành vi phạm tội từ những NCTN khác mặt khác, thể hiện nỗ lực của Đảng và Nhà nước ta trong việc làm hài hòa hệ thống pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế, cụ thể là Công ước quốc tế về Quyền trẻ em với tư cách là một thành viên của Công ước. Cụ thể:

Thứ nhất, Điều 91 BLHS năm 2015 đã bổ sung nguyên tắc “*Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi*” (khoản 1 Điều 91). Nội dung mới trong nguyên tắc đó là “*phải đảm bảo lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi*” bên cạnh những mục đích như giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Về bản chất, nội dung này không mới, dù không được quy định thành văn qua các BLHS trước đây nhưng việc đảm bảo lợi ích tốt nhất cho NCTN vẫn xuyên suốt qua các quy

định của pháp luật từ việc định tội đến áp dụng TNHS... Việc quy định cụ thể nội dung này trong nguyên tắc tại xử lý tại BLHS năm 2015 một lần nữa khẳng định rõ ràng thái độ nhân đạo, khoan hồng của Đảng và Nhà nước với người dưới 18 tuổi phạm tội, đồng thời nó cũng có ý nghĩa định hướng trách nhiệm của những cá nhân, cơ quan, tổ chức tiến hành tố tụng khi xử lý hành vi phạm tội của họ, đó là cần bảo đảm rằng mỗi quyết định được đưa ra là tốt nhất cho trẻ em trong mối quan hệ hài hòa với các lợi ích khác cũng như bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật.

Thứ hai, nguyên tắc miễn TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Trước hết, TNHS là một dạng trách nhiệm pháp lý, là hậu quả pháp lý mà người phạm tội phải chịu trước Nhà nước do việc thực hiện hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện. TNHS do Tòa án nhân danh Nhà nước áp dụng và được thể hiện bằng bản án kết tội có hiệu lực pháp luật cũng như hình phạt mà Tòa án áp dụng đối với người phạm tội ghi trong bản án đó. Căn cứ của miễn TNHS cũng xuất phát từ hành vi phạm tội của người phạm tội, song do có những điều kiện mà pháp luật quy định để được miễn TNHS mà họ có thể được miễn TNHS. Chế định về miễn TNHS cũng là một trong những chế định thể hiện rõ nét nhất tính nhân đạo trong tư pháp hình sự của nước ta.

Trong chính sách pháp luật hình sự nước ta, BLHS năm 1999 kế thừa quy định của BLHS năm 1985 về miễn TNHS đối với NCTN phạm tội, cụ thể: miễn TNHS đối với NCTN phạm tội trong trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng mà gây thiệt hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình, cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục (BLHS năm 1999, Khoản 3 Điều 59 BLHS năm 1985 và khoản 2 Điều 69). Theo quy định này, trong quá trình tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng sau khi nghiên cứu vụ án và phân tích toàn diện các tiêu chí như loại tội phạm, các tình tiết giảm nhẹ bao gồm những tình tiết được pháp luật quy định cụ thể và những tình tiết khác nếu thấy hợp lý... thì xem xét ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án và giao người chưa thành niên phạm tội cho gia đình, tổ chức tại cộng đồng thực hiện việc giám sát, giáo dục mà không cần tiếp tục xử lý hình sự. Ý nghĩa của việc miễn TNHS đối với NCTN phạm tội đó là sớm đưa các em ra khỏi vòng quay tố tụng khi có điều kiện để tránh những tác động tiêu cực không cần thiết khi NCTN đang có những biến động trong sự phát triển về tâm sinh lý. Mặc dù có tính nhân đạo rất lớn, song trên thực tế từ việc quy định như này đã bộc lộ nhiều bất cập. Việc miễn TNHS cho người dưới 18 tuổi

phạm tội đồng nghĩa với việc trả tự do cho họ và đưa họ về gia đình hoặc cơ quan, tổ chức để giáo dục, giám sát mà không áp dụng kèm thêm bất kì biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa nào khác, trong khi sự giám sát, giáo dục tại gia đình, địa phương đa phần là hời hợt, buông lỏng, dẫn đến một thực tế là nguy cơ NCTN tiếp tục tái phạm là rất cao. Đây chính là lý do mà các cơ quan tiến hành tổ tụng hạn chế việc áp dụng chế định này trong thực tiễn vì những quy định của pháp luật còn thiếu chặt chẽ, chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, ngừa tội phạm trong giai đoạn tội phạm ngày càng trẻ hóa như hiện nay.

Để khắc phục những bất cập nêu trên, đồng thời vẫn tôn trọng chủ trương nhân đạo, khoan hồng trong chính sách xử lý hình sự đối với đối tượng cần bảo vệ đặc biệt là người dưới 18 tuổi thì một trong những giải pháp của Nhà nước ta chính là sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 91 BLHS năm 2015 theo hướng quy định các biện pháp thay thế xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, tức là áp dụng biện pháp xử lý “chuyên hướng” theo xu thế chung của quốc tế. Theo điểm 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015 về sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 91 BLHS 2015 và khoản 2 Điều 91 BLHS năm 2015, người dưới 18 tuổi phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 của BLHS năm 2015, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng các biện pháp quy định tại Mục 2 Chương XII BLHS năm 2015:

+ Trường hợp 1: Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng, trừ tội phạm quy định tại các điều 134, 141, 171, 248, 249, 250, 251 và 252 của BLHS 2015;

+ Trường hợp 2: Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng quy định tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật này, trừ tội phạm quy định tại các điều 123, 134, 141, 142, 144, 150, 151, 168, 171, 248, 249, 250, 251 và 252 của BLHS 2015;

+ Trường hợp 3: Người dưới 18 tuổi là người đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án.

Với quy định này, có thể thấy BLHS năm 2015 đã thu hẹp phạm vi miễn trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Như đã trình bày ở trên, một trong những nguyên tắc quan trọng trong việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm

tội đó là phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của các em. Vì vậy, việc lựa chọn phương pháp xử lý phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi, tạo môi trường phát triển bình thường của người dưới 18 tuổi là vô cùng quan trọng. Trong nhiều trường hợp, việc áp dụng các biện pháp xử lý xử lý chuyên hướng, tức là áp dụng các biện pháp khác nằm ngoài các biện pháp xử lý hình sự với tính chất giáo dục, cải tạo là chủ yếu để áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội sẽ mang lại hiệu quả mong muốn hơn là những biện pháp thiên nhiều về nghiêm trị, trừng phạt. Đồng thời, việc hạn chế tối đa phương án xử lý bằng các biện pháp hình sự cũng là một đòi hỏi của Công ước Quyền trẻ em và các chuẩn mực quốc tế khác mà Việt Nam là thành viên.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, khi số lượng các vụ án do người dưới 18 tuổi đang có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp, tỷ lệ tái phạm tương đối cao thì việc áp dụng những quy định về xử lý chuyên hướng với người dưới 18 tuổi gặp nhiều khó khăn như các biện pháp thay thế xử lý chính thức chưa được quan tâm, các quy định chưa thực sự bảo đảm vì lợi ích tốt nhất của trẻ em và tính “thân thiện” trong quy trình tố tụng như yêu cầu của các chuẩn mực quốc tế về bảo vệ trẻ em... Những bất cập này đặt ra yêu cầu phải xem xét, nghiên cứu để có những sửa đổi, bổ sung kịp thời hệ thống pháp luật trong lĩnh vực tư pháp nói chung, pháp luật liên quan đến hệ thống xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội nói riêng mà trong đó việc xây dựng một hệ thống các biện pháp chuyên hướng và quy trình xử lý chuyên hướng cụ thể đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là hết sức cần thiết nhằm bảo vệ tốt hơn lợi ích của họ, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn cũng như đảm bảo thực thi các nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam

3.2. So sánh chính sách pháp luật hình sự về tội phạm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội qua các giai đoạn phát triển của pháp luật hình sự

3.2.1. Sự tương đồng

Sự tương đồng dễ nhận thấy nhất trong chính sách pháp luật hình sự về tội phạm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội qua các giai đoạn của pháp luật Việt Nam đó là, việc khẳng định một hành vi nguy hiểm được thực hiện bởi đối tượng này có phải là tội phạm hay không được xem xét, đánh giá dựa trên khả năng nhận thức của họ về hành vi nguy hiểm đó, mà cơ sở chung để đánh giá đó chính là yếu tố độ tuổi. Từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi và từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thì phạm vi phải chịu TNHS về một hành vi nguy hiểm cho xã hội là khác nhau. Nhưng nhìn

chung, chính sách pháp luật của Nhà nước về vấn đề này vẫn thể hiện được sự khoan hồng và tính nhân đạo trong chính sách hình sự nói riêng và chính sách pháp luật nói chung dành cho NCTN.

3.2.2. Sự khác biệt

Sự khác biệt của chính sách pháp luật hình sự về tội phạm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội qua các thời kỳ nằm ở phạm vi các tội phạm mà đối tượng này phải chịu TNHS khi thực hiện hành vi nguy hiểm. Theo BLHS năm 1985, người từ đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu TNHS sự đối với những tội có khung hình phạt trên 5 năm tù nhưng phải với lỗi cố ý. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS sự về mọi tội phạm khoản 2 Điều 58 BLHS 1985. Sang BLHS 1999, tội phạm được phân hóa thành bốn loại dựa trên mức hình phạt tương xứng với mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Từ việc phân loại này, Điều 12 BLHS năm 1999 quy định: Người đủ 16 tuổi trở lên BLHS năm 1999 phải chịu TNHS về mọi tội phạm. Quy định này không thay đổi so với BLHS năm 1985. Tuy nhiên, tại phần tội phạm cụ thể trong BLHS năm 1999, có 2 tội quy định chủ thể phải là người đã thành niên nghĩa là phải đủ 18 tuổi chứ không phải đủ 16 tuổi như quy định, cụ thể như: Tội giao cấu với trẻ em (Điều 115) và tội dâm ô đối với trẻ em (Điều 116). Đây là lỗi kỹ thuật trong quá trình lập pháp.

Tiếp theo, khoản 2 Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ;16 tuổi phải chịu TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; (Điều 8,12 BLHS 1999). Với nhóm người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, BLHS năm 1999 đã quy định về tội phạm dựa trên sự phân loại tội phạm, theo; đó pháp luật đã có sự giới hạn phạm vi tội phạm mà nhóm người này phải chịu TNHS so với BLHS năm 1985. Trên cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 12 thì người từ đủ 14 tuổi nhưng; chưa đủ 16 tuổi chỉ chịu TNHS sự đối với 137 tội trong Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, việc quy định TNHS dựa vào phân loại tội phạm cũng cho thấy những hạn chế, sơ suất của kỹ thuật lập pháp đó là có một số tội mà người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 16 tuổi dù không thỏa mãn dấu hiệu về mặt chủ thể như các chủ thể phải là người có chức vụ, quyền hạn (Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản; Tội tham ô tài sản Tội nhận hối lộ ...) nhưng vẫn có thể xử lý ở vai trò

đồng phạm. Qua đó, cho thấy BLHS năm 1999 quy định phạm vi chịu TNHS đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi vẫn rất rộng, chưa thực hiện đúng đường lối, chính sách xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Nhận ra các sai sót trong kỹ thuật lập pháp của BLHS năm 1999, để khắc phục các sai sót đó đồng thời thiết lập một căn cứ pháp lý vững chắc hơn về tội phạm đối với người dưới 18 tuổi khi thực hiện các hành vi nguy hiểm, BLHS năm 2015 một mặt vẫn dựa vào sự phân loại tội phạm như BLHS trước đó, mặt khác sử dụng các thức liệt kê, quy định rõ các tội danh cụ thể thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng mà người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phải chịu TNHS, đồng thời bổ sung một số tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng nhưng có tính chất, mức độ nguy hiểm, xảy ra phổ biến mà người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi cũng phải chịu TNHS để xử lý nghiêm khắc. Khoản 1 Điều 12 BLHS năm 2015 vẫn giữ quy định người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm nhưng bổ sung thêm nội dung “trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác” để khắc phục sai sót của BLHS năm 1999 đối với trường hợp một số tội danh mà chủ thể phải là người đủ 18 tuổi như đã phân tích ở trên và những nhóm tội đòi hỏi chủ thể là người có chức vụ thì phải từ 18 tuổi trở lên.

Tiếp theo khoản 2 Điều 12 BLHS 2015 quy định liệt kê cụ thể những tội danh mà người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 phải chịu TNHS chứ không quy định chung chung như BLHS 1999, cụ thể: người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 16 tuổi có thể phải chịu TNHS về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo Điều 134 BLHS; về tội hiếp dâm theo Điều 141 BLHS và về tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản theo Điều 169 BLHS, bất kể thuộc khoản nào của các điều luật trên. Với những quy định đó, hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1, 2 Điều 134 BLHS năm 2015 (Khoản 1, 2 Điều 104 BLHS năm 1999), hành vi hiếp dâm thuộc khoản 1 Điều 141 BLHS năm 2015 (khoản 1 Điều 111 BLHS năm 1999), hành vi bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 169 BLHS năm 2015 (khoản 1 Điều 134 BLHS năm 1999) do người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 16 tuổi thực hiện, đều bị coi là tội phạm và phải chịu TNHS. Đây chính là việc tội phạm hóa hay là quy định về tội phạm mới trong các điều luật của BLHS năm 2015.

So sánh quy định tại khoản 2 Điều 12 BLHS năm 2015 với quy định tại khoản 2 Điều 12 BLHS năm 1999 có thể thấy, bên cạnh việc mở rộng phạm vi phải chịu TNHS của người từ đủ 14 tuổi trở lên đến chưa đủ 16 tuổi đối với một số tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng được quy định tại các điều luật của BLHS năm 2015 (đối với khoản 1, 2 Điều 134 về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; khoản 1 Điều 141 về tội hiếp dâm; khoản 1 Điều 169 BLHS về tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản), thì Điều 12 BLHS năm 2015 cũng đã thu hẹp phạm vi phải chịu TNHS của người từ đủ 14 tuổi trở lên đến chưa đủ 16 tuổi đối với một số tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng. Điều này được thể hiện ở chỗ, ngoài các tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng được liệt kê tại Điều 12 và được cụ thể hóa tại các điều luật Phần các tội phạm của BLHS năm 2015, người từ đủ 14 tuổi trở lên đến chưa đủ 16 tuổi sẽ không phải chịu TNHS về các tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng khác. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 12 BLHS năm 2015, có thể thấy BLHS năm 2015 đã xóa bỏ các hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng do người từ đủ 14 tuổi trở lên đến chưa đủ 16 tuổi thực hiện ở các tội phạm được quy định các điều khoản sau của BLHS năm 1999: Khoản 2, 3 Điều 149 BLHS về cố ý truyền HIV cho người khác; khoản 3 Điều 152 về tội đánh tráo người dưới 01 tuổi khoản 2, 3 Điều 153 về tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi khoản 2, 3 Điều 154 về tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người khoản 3 Điều 157 về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật và một số tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác.

Các quy định về xóa bỏ hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 16 tuổi thực hiện của BLHS năm 2015 được áp dụng để không truy cứu TNHS đối với người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 16 tuổi thực hiện hành vi phạm tội trước ngày 1/7/2015.

Như vậy, có thể khẳng định chính sách pháp luật hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi quy định về độ tuổi chịu TNHS của người dưới 18 tuổi cho thấy hướng đi ngày một nhân đạo hơn trong chính sách hình sự của nước ta.

3.3. So sánh chính sách pháp luật hình sự về hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội qua các giai đoạn phát triển của pháp luật hình sự

3.3.1. Sự tương đồng

Nghiên cứu chính sách hình sự Việt Nam với người dưới 18 tuổi phạm tội qua các giai đoạn nhận thấy, BLHS qua các năm đều ghi nhận ba loại hình phạt chính đó là cảnh cáo, cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn. Tuy nhiên, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong việc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội vẫn là hạn chế áp dụng các hình phạt tước tự do, mở rộng áp dụng các hình phạt không tước tự do, đồng thời tăng cường sự tham gia của gia đình và xã hội trong việc giáo dục, động viên, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, tái hòa nhập cộng đồng xã hội. Trên thực tiễn xét xử các vụ án do người dưới 18 tuổi thực hiện, trên cơ sở các nguyên tắc xử lý và tính chất, mức độ của hành vi phạm tội không gây thiệt hại quá lớn cho xã hội, Tòa án đều tạo điều kiện tối đa để người dưới 18 tuổi không bị áp dụng hình phạt tù mà giao cho gia đình, các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ở địa phương quản lý.

3.3.2. Sự khác biệt

Tùy thuộc vào sự phát triển kinh tế xã hội, sự thay đổi về tâm sinh lý của con người, cũng như về tình hình tội phạm và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lứa tuổi chưa thành niên mà những quy định về xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội sẽ có sự thay đổi nhất định qua các giai đoạn. Trước hết về các loại hình phạt và nguyên tắc áp dụng hình phạt khi xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội:

Thứ nhất, khi BLHS 1999 ra đời, nguyên tắc mới trong việc áp dụng hình phạt đối với NCTN đó là: Việc truy cứu trách nhiệm hình sự NCTN phạm tội và áp dụng hình phạt đối với họ được thực hiện chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội, vào những đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm. Ngoài ra, hình thức phạt tiền chỉ xuất hiện từ BLHS năm 1999 và được ghi nhận từ đó cho đến nay, tuy nhiên chỉ được áp dụng là hình phạt chính đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu người đó có thu nhập hoặc có tài sản riêng- Điều 72,99 BLHS 2015,1999. Phạt tiền vốn là hình phạt gây bất lợi về mặt kinh tế đối với người phạm tội nói chung dù ở bất cứ độ tuổi nào. Nó có khả năng tác động trực tiếp và mạnh mẽ về mặt kinh tế đến người phạm tội đặc biệt là đối với những loại tội có tính chất vụ lợi, các tội xâm phạm đến trật tự kinh

tế, trật tự công cộng...mà chưa đến mức phải áp dụng các hình phạt nghiêm khắc hơn như hình phạt tước tự do của người bị kết án. Bằng việc tước đi một khoản tiền nhất định, hình phạt này cũng có ý nghĩa trong việc giáo dục và răn đe người phạm tội. Đối với NCTN phạm tội, việc đưa hình phạt tiền vào hệ thống các loại hình phạt không chỉ góp phần đa dạng hóa các biện pháp xử lý hình sự trong hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm, mặt khác có thể áp dụng được những tiêu cực phát sinh do áp dụng hình phạt tù. NCTN không bị cách ly khỏi xã hội, được sống và học tập, phát triển trong một môi trường hoàn toàn bình thường, qua đó thể hiện nguyên tắc nhân đạo trong pháp luật hình sự nước ta. Việc duy trì hình phạt tiền đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong BLHS năm 2015 cũng chính là thực hiện nhiệm vụ cải cách tư pháp theo tinh thần nghị quyết 49 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020: “Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm”.

Thứ hai, BLHS năm 2015 cũng sửa đổi nguyên tắc: *“Khi xét xử, nếu thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội, thì Tòa án áp dụng một trong các biện pháp tư pháp được quy định tại Điều 70 của Bộ luật này”* tại khoản 4 Điều 69 BLHS năm 1999 theo hướng tiếp cận phù hợp hơn trong chính sách xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Về mặt thực tiễn, các chế tài giam giữ rõ ràng tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất lợi cho quá trình phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng của NCTN sau khi họ được trả tự do. Tinh thần của Công ước Quyền trẻ em và các văn kiện pháp lý khác trên thế giới về bảo vệ trẻ em, NCTN cũng khuyến nghị các quốc gia thành viên hạn chế đến mức thấp nhất việc áp dụng các chế tài giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội... Theo đó, Công ước Quyền trẻ em khẳng định nguyên tắc: *“Việc bắt, giam giữ hoặc bỏ tù trẻ em... phải là biện pháp cuối cùng và trong thời hạn thích hợp ngắn nhất”*[10]. Như vậy, Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em không ưu tiên áp dụng các biện pháp hạn chế quyền tự do như giam giữ, bỏ tù. Các biện pháp mang tính giam giữ và hình phạt tù chỉ được áp dụng khi các biện pháp tư pháp khác không mang lại hiệu quả răn đe, giáo dục và cải tạo. Tuy nhiên, theo cách quy định tại khoản 4 Điều 69 của BLHS năm 1999 thì lại thể hiện theo hướng ngược lại, nghĩa là trước tiên Tòa án phải cân nhắc việc áp dụng hình phạt đối với NCTN phạm tội.

Từ bất cập nêu trên, Khoản 4 Điều 91 của BLHS năm 2015 đã thể hiện lại nguyên tắc này theo hướng phù hợp hơn với tinh thần của Công ước về Quyền trẻ em. Cụ thể: *“Khi xét xử, Tòa án chỉ áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nếu xét thấy việc miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng một trong các biện pháp quy định tại Mục 2 hoặc việc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng quy định tại Mục 3 Chương này không bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa”*. Khi xét xử người dưới 18 tuổi, Tòa án trước hết phải cân nhắc khả năng áp dụng việc miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng một trong các biện pháp giám sát, giáo dục hoặc khả năng áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng đối với các em và chỉ khi xét thấy việc áp dụng các biện pháp này không bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa thì mới áp dụng hình phạt đối với các em.

Thứ ba, về các biện pháp tư pháp, BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999 chỉ quy định hai biện pháp tư pháp đối với NCTN phạm tội là giáo dục tại xã, phường, thị trấn và đưa vào trường giáo dưỡng. Khoản 2 Điều 70 BLHS năm 1999 quy định: *“Tòa án có thể áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn từ một năm đến hai năm đối với NCTN phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng”*. Sau này, BLHS năm 2015 đã sửa đổi quy định theo hướng mở rộng hơn chủ thể có quyền áp dụng biện pháp tư pháp, ngoài Tòa án thì còn có thể có Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát.

Không chỉ mở rộng phạm vi chủ thể áp dụng, BLHS năm 2015 còn mở rộng các biện pháp tư pháp khác có thể áp dụng khi xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội đó là biện pháp khiển trách và biện pháp hòa giải tại cộng đồng (Điều 93, 94 BLHS năm 2015). Việc mở rộng phạm vi chủ thể áp dụng và bổ sung thêm các biện pháp xử lý khác thay thế xử lý hình sự giúp các cơ quan tư pháp có thể linh động áp dụng một cách linh động trong từng giai đoạn tố tụng mà mình phụ trách. Nói cách khác, ở bất cứ giai đoạn nào từ điều tra đến truy tố và xét xử, các chủ thể trên cũng có thể ra quyết định áp dụng các biện pháp đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho họ trong việc sửa chữa sai lầm và nhận được điều kiện giáo dục, cải tạo tốt nhất cho lứa tuổi của họ.

Thứ tư, BLHS năm 2015 cũng quy định cụ thể việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Trước đây, trong BLHS năm 1999, hình phạt cải tạo không giam giữ thường chỉ áp dụng đối với trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng thì nay quy

định cả đối với cả trường hợp phạm tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng (Điều 100 BLHS năm 2015).

Ngoài ra, so với các giai đoạn pháp luật trước đây, một số vấn đề liên quan đến quyết định hình phạt và tổng hợp hình phạt đối với phạt tù có thời hạn cũng có sự thay đổi và xuất hiện nhiều quy định mới khắc phục những lỗ hổng trong hệ thống pháp luật cũ, cụ thể:

Thứ nhất, về phạt tù có thời hạn. Để thấy được mức phạt tù quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 có sự thay đổi như thế nào ta có thể dựa vào bảng so sánh sau đây:

Độ tuổi của người dưới 18 tuổi phạm tội	Mức phạt theo quy định của điều luật	Mức phạt cao nhất được áp dụng	
		Bộ luật hình sự 1999 và 2015	Bộ luật hình sự 1985
Người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi	Tù chung thân hoặc tử hình. Tù có thời hạn.	≤ 12 năm tù. ≤ 1/2 mức phạt tù mà điều luật quy định.	≤ 15 năm tù. ≤ 12 năm nếu điều luật quy định là 20 năm.
Người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi	Tù chung thân hoặc tử hình. Tù có thời hạn.	≤ 18 năm. ≤ 3/4 mức phạt tù mà điều luật quy định.	≤ 20 năm tù. ≤ 12 năm nếu điều luật quy định là 20 năm.

Từ bảng so sánh trên đây, có thể thấy pháp luật Việt Nam đã có sự điều chỉnh theo hướng giảm nhẹ thời hạn phạt tù đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Sự điều chỉnh này một mặt là để phù hợp với những thay đổi khác của pháp luật hình sự về thời hạn phạt tù đối với các tội danh, mặt khác là nhằm hướng tới bảo vệ tối đa lợi ích của những người chưa thành niên phạm tội. Hình phạt tù có thời hạn chỉ được lựa chọn là hình phạt cuối cùng khi các biện pháp giáo dục khác không đạt được hiệu quả, tuy nhiên đối với đối tượng này, hình phạt tù áp dụng chỉ với ý nghĩa răn đe, giáo dục chứ không mang tính chất trừng phạt, chính vì vậy rất cần thiết phải có một mức hình phạt phù hợp. Việc giảm nhẹ mức hình phạt cao nhất

được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cho thấy bước tiến của chính sách hình sự Việt Nam, hướng tới sự nhân đạo, khoan hồng và đảm bảo tối đa quyền, lợi ích của nhóm đối tượng phạm tội này, cũng là đảm bảo theo kịp với xu thế chung của thế giới trong việc bảo vệ người chưa thành niên.

Theo quan điểm của tác giả, đến thời điểm hiện tại sự kế thừa này của BLHS năm 2015 vẫn cho thấy được tính đúng và hiệu quả của nó. Mặc dù trong thực tế đôi khi chính những quy định cứng của pháp luật lại tạo dư luận xã hội không tốt. Cụ thể, xuất phát từ tình hình tội phạm ngày càng trẻ hóa như hiện nay, không ít ý kiến cho rằng nên giữ nguyên mức phạt tù cao nhất được áp dụng như chính sách hình sự cũ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Cũng không thể phủ nhận rằng, tội phạm do người chưa thành niên phạm tội hiện nay không còn đơn giản là do bồng bột, thiếu suy nghĩ, mà nhiều trường hợp là có sự tính toán, chuẩn bị kỹ càng và khá tinh vi, thậm chí đã hình thành các băng nhóm tội phạm có tính nguy hiểm cao. Số lượng các vụ án tăng nhanh, nhiều vụ án đặc biệt nghiêm trọng xảy ra. Cùng với tính chất phức tạp của mỗi vụ án là những thủ đoạn tinh vi, tính nguy hiểm ngày càng cao và để lại những hậu quả nghiêm trọng, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, làm xôn xao dư luận xã hội. Các vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội không chỉ tăng về số lượng các bị cáo, mà tuổi đời phạm tội của các bị cáo là người chưa thành niên cũng đã trẻ hoá, nhiều vụ án các bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng có khung hình phạt cao nhất là chung thân hoặc tử hình như tội “*Cố ý gây thương tích*”, “*Giết người*”, “*Cướp tài sản*”, “*Trộm cắp tài sản*”. Chẳng hạn như vụ án giết người của Nguyễn Phạm Quốc Bình (tại thời điểm gây án là 16 tuổi) tại Quận Gò Vấp vào đầu năm 2017 chỉ vì những mâu thuẫn, cãi vã nhỏ. Và không ít các vụ án trộm, cướp tài sản do người chưa thành niên thực hiện để có tiền chơi game hoặc tiêu xài cá nhân khác... Tuy ở độ tuổi còn rất trẻ, song hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm và quyết liệt, có sự chuẩn bị về công cụ, phương tiện với thủ đoạn tinh vi, xuống tay sát hại người khác một cách hết sức dã man. Đặc biệt, gần đây, lợi dụng chính sách nhân đạo của pháp luật cũng như mức hình phạt quy định với người chưa thành niên phạm tội mà đã có những đối tượng là người thành niên, lợi dụng những người chưa thành niên để kích động,

xúi giục họ có những hành vi quá khích, trả thù hay tiến hành đâm thuê, chém mướn theo kiểu xã hội đen nhằm phục vụ cho những mưu đồ đen tối của các đối tượng phạm tội là người thành niên, gây mất trật tự trị an và gây hoang mang, lo sợ trong cộng đồng dân cư. Chính từ thực tế nêu trên, nhiều người cho rằng pháp luật cần có sự nghiêm minh hơn nữa mới đủ sức răn đe, giáo dục nhóm đối tượng này.

Mặc dù vậy, đặc thù của những người dưới 18 tuổi là sự thiếu chín chắn, thiếu kỹ năng sống cần thiết nên không thể tránh khỏi việc sống bản năng và hành động bùng bột. Và trong mọi thời điểm, họ là những người cần được quan tâm và bảo vệ nhiều nhất. Xu thế chung trong chính sách hình sự của nhiều quốc gia trên thế giới vẫn luôn hướng đến bảo đảm tối đa quyền, lợi ích của người dưới 18 tuổi, đặc biệt là tạo mọi điều kiện, cơ hội để họ được phát triển tự nhiên. Chính vì vậy, dù họ là người phạm tội, song biện pháp phạt tù cũng cần được hạn chế và rút ngắn nhất có thể để họ sớm được quay trở lại với cộng đồng, giảm bớt nỗi mặc cảm hay tự ti vì những gì họ đã gây ra; đồng thời cũng là đảm bảo tính giáo dục, răn đe hơn là trừng trị, trừng phạt đối với nhóm đối tượng này.

Thứ hai, về tổng hợp hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Trước đây, BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999 chỉ mới quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp NCTN phạm nhiều tội (quy định tại Điều 65 BLHS năm 1985 và được kế thừa tại Điều 75 BLHS năm 1999) mà chưa có quy định về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án. Vì vậy, BLHS 2015 đã bổ sung thêm điều mới về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án (quy định Điều 103).

So với BLHS năm 1999, Bộ luật lần này đã khắc phục cơ bản những bất cập và sự bất hợp lý khi tổng hợp hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Ví dụ: Một người 17 tuổi 9 tháng phạm tội Cướp tài sản theo khoản 3 điều 133 BLHS 1999 nay là khoản 3 điều 168 BLHS 2015. Sau đó họ lại phạm tội Cường đoạt tài sản theo khoản 2 điều 135 BLHS 1999 nay là khoản 2 điều 170 BLHS 2015 khi họ trên 18 tuổi. Tòa án đã xử phạt 12 năm tù về tội Cướp tài sản và 8 năm tù về tội Cường đoạt tài sản.

Nếu tổng hợp hình phạt theo BLHS năm 1999 và theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/NQ - HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân

tối cao thì Tội cướp tài sản là tội nặng hơn tội cưỡng đoạt tài sản. Theo quy định tại khoản 1 điều 74; và khoản 1 điều 75 BLHS 1999 mức phạt tù tổng hợp của hai tội bị giới hạn không vượt quá 3/4 mức hình phạt tù cao nhất; của điều luật được áp dụng. Như vậy trong trường hợp này mức phạt tù tổng hợp của hai tội không được vượt quá 3/4 mức phạt tù cao nhất của khoản 3 điều 133 tức là không vượt quá 15 năm tù (3/4 của 20 năm = 15 năm).

Nếu tổng hợp hình phạt theo BLHS năm 2015 thì trong trường hợp này mức hình phạt Tòa án tuyên đối với tội được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi (12 năm tù) nặng hơn mức hình phạt đối với tội được thực hiện khi đã đủ 18 tuổi (8 năm tù). Do đó, theo điểm a khoản 3 Điều 103 BLHS năm 2015, *“nếu mức hình phạt Tòa án tuyên đối với tội được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt áp dụng đối với tội được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại khoản 1 Điều này”*. Đối chiếu với khoản 1 Điều 103, nếu hình phạt chung là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không được vượt quá 18 năm đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Do vậy, mức hình phạt chung của hai tội trong trường hợp này là 18 năm tù. So sánh cách tổng hợp hình phạt của BLHS năm 2015 đối với cùng hành vi phạm tội so với BLHS 1999 thì mức hình phạt cao hơn vì không căn cứ vào khái niệm *“Tội nặng nhất”* mà căn cứ vào *“Mức hình phạt Tòa án tuyên”*. Với quy định trên vẫn thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật hình sự và đảm bảo tính nghiêm minh, công bằng trong pháp luật.

Ngoài ra, Điều 103 cũng cho thấy đã có sự phân hóa giữa người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi tổng hợp hình phạt. Việc phân hóa phù hợp với độ tuổi, nhận thức của người phạm tội thể hiện rõ nét tính nhân đạo trong việc xây dựng pháp luật cũng như giúp đỡ cho người phạm tội có cơ hội để sửa chữa sai lầm và tái hòa nhập cộng đồng.

Thứ ba, BLHS năm 2015 đã bổ sung quy định về vấn đề quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Vấn đề này được quy định tại Điều 102. Theo đó:

- Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội: Bộ luật quy định “mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội không quá một phần ba mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng; mức hình phạt cao nhất đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chuẩn bị phạm tội không quá một phần hai mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng” (khoản 2 Điều 102).

- Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội chưa đạt: Bộ luật quy định “mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt không quá một phần ba mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 99, 100 và 101 của Bộ luật này” và “mức hình phạt cao nhất áp dụng 63 đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi không quá 1/2 mức phạt cao nhất quy định tại Điều 99, 100 và 101 của Bộ luật” (khoản 3 Điều 102).

Trước đây trong các văn bản pháp luật hình sự chưa từng ghi nhận một Điều khoản nào về vấn đề quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, chính vì vậy đã xảy ra sự không thống nhất trong quá trình áp dụng pháp luật tại nhiều Tòa án. Chính vì vậy, BLHS năm 2015 đã khắc phục những bất cập trong chính sách hình sự Việt Nam hiện hành đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, góp phần thống nhất việc áp dụng pháp luật và đưa chính sách xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội ngày một hoàn thiện hơn.

Đánh giá chung, chính sách pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành đối với người dưới 18 tuổi phạm tội hiện nay đã thể hiện rõ tư tưởng xuyên suốt là giúp đỡ các em sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh để trở thành công dân có ích cho xã hội. Tất cả các quy định đều nhằm mục đích bảo vệ quyền của người dưới 18 tuổi và vì lợi ích tốt nhất của họ, giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội; đồng thời thể hiện sự nhân đạo của hệ thống pháp luật nước ta và nó hoàn toàn phù hợp với tinh thần của các công ước quốc tế về tư pháp NCTN.

3.4. Những giải pháp hoàn thiện chính sách pháp luật hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Nhìn chung, các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành về người dưới 18 tuổi phạm tội thể hiện tư tưởng dân chủ, nhân đạo trong pháp luật của Đảng và nhà nước ta. Tuy nhiên, để công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm NCTN đạt hiệu quả cao hơn, đồng thời để ngày một hài hòa, phù hợp với tinh thần chung của quốc tế về chính sách hình sự dành cho trẻ em, NCTN, pháp luật hình sự về lĩnh vực này cần phải tiếp tục hoàn thiện. Những giải pháp nhằm hoàn thiện chính; sách pháp luật hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi bao gồm:

Thứ nhất, nhanh chóng khắc phục; những điểm bất cập, bất hợp lý trong chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi được quy định trong BLHS. Trong quá trình xây dựng chính sách pháp luật hình sự, có thể xuất phát từ cả yếu tố chủ quan lẫn khách quan mà các quy định pháp luật hình sự về người dưới 18 tuổi phạm phát sinh những hạn chế, yếu kém như tính khả thi không cao sự mâu thuẫn, chông chéo về nội dung giữa các quy định kỹ thuật lập pháp bộc lộ nhiều thiếu sót, chưa dự liệu hết được những tình huống thực tế có thể xảy ra để điều chỉnh... Ví dụ như trước đây khi chưa có Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS 2015, một trong những sai sót trong kỹ thuật lập pháp liên quan đến chính sách tội phạm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đó là: theo quy định tại khoản 2 Điều 12, khoản 3 Điều 14 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ chịu trách nhiệm hình sự trong 29 tội danh được quy định tại khoản 2 Điều 12 BLHS 2015. Tuy nhiên, qua đối chiếu các quy định cụ thể trong 29 tội liệt kê trên, có tội “*sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật*” quy định ở Điều 285 không thỏa mãn điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12, cụ thể khoản 3 Điều 285 quy định mức hình phạt cao nhất chỉ đến 7 năm tù. Căn cứ khoản 3 Điều 9 BLHS năm 2015 thì đây là tội nghiêm trọng chứ không phải tội rất nghiêm trọng hay tội đặc biệt nghiêm trọng. Vì vậy, người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội này vì không thỏa mãn điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 BLHS năm 2015 nhưng lại được liệt kê trong 29 tội ở trên là không hợp

lý. Sau này khi sửa đổi bổ sung một số Điều của BLHS 2015 thì loại tội phạm này đã được loại bỏ khỏi khoản 2 Điều 12.

Thứ hai, cần nhanh chóng ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành đối với một số quy định liên quan đến người dưới 18 tuổi phạm tội. Hiện nay nhìn chung vẫn chưa có một văn bản cụ thể nào để hướng dẫn thi hành chi tiết BLHS năm 2015 nói chung và chương về người chưa thành niên phạm tội nói riêng. Mặc dù so với các quy định trước đây, pháp luật hiện nay có phần rõ ràng, minh bạch và thông thoáng hơn, song nội dung một số quy định pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội vẫn còn ở dạng khái quát, thiên về nguyên tắc, hay nói cách khác, tính quy phạm chưa được chú trọng nên để vận dụng vào thực tiễn đòi hỏi phải có các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành. Lấy một ví dụ đơn giản đó là về miễn trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. BLHS năm 2015 đã bổ sung thêm một điều kiện để được miễn trách nhiệm hình sự đó là “*tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả*”, tuy nhiên câu hỏi đặt ra ở đây là khắc phục bao nhiêu phần trăm thì được xem là khắc phục phần lớn hậu quả để có thể sử dụng làm điều kiện miễn TNHS? Nếu chỉ quy định chung chung như thế này sẽ có nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau. Có Tòa án cho rằng khắc phục trên 50% hậu quả thì được coi là phần lớn; nhưng cũng có nhiều quan điểm khác cho rằng tỷ lệ khắc phục phải từ 70% trở lên mới phù hợp. Có thể thấy với các cách hiểu khác nhau khi chưa có văn bản hướng dẫn thi hành đã dẫn đến sự không thống nhất trong quá trình áp dụng pháp luật trên thực tiễn. Đây là một trong những vấn đề các nhà làm luật phải lưu tâm để kịp thời đưa pháp luật đi vào đời sống một cách thống nhất.

Để làm được điều này, đòi hỏi các cơ quan có thẩm quyền cần sát sao hơn nữa trong quá trình kiểm tra, giám sát tiến độ ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành luật. Hiện tượng một văn bản luật được ban hành nhưng sau nhiều năm vẫn chưa có đủ các văn bản dưới luật để hướng dẫn chi tiết là hiện tượng rất phổ biến trong nền lập pháp của Việt Nam, xuất phát từ nhiều nguyên nhân trong đó có phần trách nhiệm lớp thuộc về chính cơ quan lập pháp cao nhất là Quốc hội. Từ các vấn đề xoay quanh BLHS 2015 nói chung và chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi nói riêng có thể thấy hoạt động kiểm tra, giám sát việc quy định chi tiết

của Quốc hội đối với các cơ quan được giao quy định chi tiết nội dung và thời gian ban hành văn bản chi tiết hướng dẫn không được thường xuyên, thiếu cương quyết và hiệu quả chưa cao.

Thứ ba, cần tôn trọng và tuân thủ nghiêm ngặt việc lấy ý kiến đóng góp của nhân dân trong quá trình xây dựng chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi. Để có thể cụ thể hóa quan điểm, tư tưởng thể hiện trong chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, bên cạnh việc tuân thủ quy trình thống nhất được ghi nhận tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 khi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hình sự, các nhà làm luật phải tôn trọng và tuân thủ chặt chẽ, nghiêm túc thủ tục lấy ý kiến góp ý của nhân dân khi dự định sửa đổi, bổ sung bất kì quy định nào của BLHS nói chung và quy định liên quan đến người dưới 18 tuổi nói riêng. Người dưới 18 tuổi là NCTN, được cả xã hội quan tâm đặc biệt. Chính vì vậy với bất cứ một chính sách pháp luật nào khi muốn sửa đổi hay quy định mới đều cần được chuyển đến cho các cá nhân, cơ quan có trách nhiệm và có thể đến các đối tượng thực thi để xin ý kiến tham gia, đóng góp, khi đó mới có thể đưa ra được những lựa chọn chính xác, khách quan, công bằng và có tính khả thi nhất.

Thứ tư, nâng cao công tác đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm từ việc thực thi chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên thực tế cũng như tiếp thu ý kiến góp ý của các chủ thể thực thi, đối tượng áp dụng và toàn thể nhân dân. Hoạt động này cần phải được tiến hành một cách thường xuyên, nghiêm túc, nhất là trong giai đoạn hiện nay khi tỷ lệ người dưới 18 tuổi phạm tội ngày càng gia tăng với những diễn biến phức tạp về tính chất, mức độ và phương thức thực hiện. Với việc đánh giá rút kinh nghiệm định kỳ, các cơ quan tư pháp có thể thấy được những hạn chế, sai sót trong quá trình thực thi pháp luật; những quy định của pháp luật còn nhiều bất cập, khó áp dụng hay không được áp dụng thống nhất. Trên cơ sở đó, giúp các nhà lập pháp nhìn nhận một cách đầy đủ, toàn diện để đưa ra được phương án sửa đổi bổ sung cho phù hợp. Xét cho cùng, mục đích tiềm ẩn của hoạt động đánh giá chính sách pháp luật hình sự là để thay đổi chính sách theo hướng hoàn thiện hơn.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Với những phân tích nêu trên có thể thấy, chính sách hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội qua các giai đoạn pháp luật luôn thể hiện rõ tư tưởng nhân đạo xuyên suốt là giúp đỡ các em sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh để các em trở thành người có ích cho xã hội. Mặc dù BLHS hiện hành đã có những thay đổi tiến bộ để phù hợp hơn với thực tiễn đất nước cũng như chuẩn mực quốc tế, song hệ thống pháp luật hình sự liên đới với người dưới 18 tuổi phạm tội sẽ phải tiếp tục được sửa đổi, hoàn thiện hơn cho phù hợp với sự biến chuyển của tình hình mọi mặt đời sống chính trị, xã hội. Đây chính là đòi hỏi tất yếu của mối quan hệ giữa một bên là pháp luật với tư cách một yếu tố của kiến trúc thượng tầng và các điều kiện kinh tế, xã hội thuộc về cơ sở hạ tầng. Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 cũng đã xác định, sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến lĩnh vực tư pháp phù hợp mục tiêu của chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Với tinh thần chủ đạo nêu trên, trong điều kiện hiện nay, việc tìm hiểu bản chất, nội dung, điều kiện thi hành và những vấn đề bất cập từ quy định của pháp luật đến thực tiễn áp dụng là vấn đề hết sức cần thiết nhằm góp phần từng bước hoàn thiện pháp luật hình sự nước ta. Đồng thời, tạo hành lang pháp lý để phát huy được sức mạnh của toàn xã hội vào sự nghiệp chung, góp phần tích cực loại bỏ những yếu tố gây cản trở cho tiến trình đổi mới và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Thực hiện ký kết các điều ước quốc tế, nội luật hóa các quy định của luật pháp quốc tế liên quan đến người dưới 18 tuổi phạm tội vào hệ thống pháp luật quốc gia, từng bước tham gia tích cực, đầy đủ, sâu rộng vào các diễn đàn hợp tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lứa tuổi chưa thành niên.

KẾT LUẬN

Công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm do những người chưa thành niên thực hiện nói riêng. Đó là nhiệm vụ sống còn của Nhà nước, của mỗi Quốc gia, và của toàn xã hội. Muốn cuộc đấu tranh này có kết quả tốt thì việc xây dựng và hoàn thiện CSHS trong quá trình xây dựng BLHS qua mỗi giai đoạn là rất quan trọng. Chính sách là thể hiện được quan điểm, đường lối chủ trương của Đảng của Nhà nước đã định hướng trong việc xây dựng chính sách. CSHS là một phần quan trọng trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Thực hiện CSHS có hiệu quả thì cần tới sự phối hợp nhịp nhàng trong tất cả các hoạt động của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và công dân vào mục đích khắc phục và đẩy lùi tình hình phát triển của tội phạm nói chung và của những đối tượng là người dưới 18 tuổi nói riêng. CSHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội có một ý nghĩa rất to lớn trong công cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm là những người chưa thành niên phạm tội.

Kết quả của quá trình tìm kiếm tài liệu để nghiên cứu, luận văn đã đã lý giải được nội dung chính như: Chính sách về tội phạm và chính sách về hình phạt có liên quan tới đối tượng dưới 18 tuổi phạm tội. Trong luận văn đã phân tích những vấn đề cơ bản nhất về mặt lý luận của CSHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội: Khái niệm, đặc điểm so sánh CSHS đối với người dưới 18 phạm tội; CSHS áp dụng đối với đối tượng đặc biệt này qua các thời kỳ của pháp luật; để rồi tìm ra những điểm khác biệt và tương đồng của các thời kỳ pháp luật đó. Từ đó làm sáng tỏ mục tiêu, quan điểm, đường lối xử lý và các nguyên tắc xử lý đối với đối tượng này, trên cơ sở đó đưa ra những hình phạt phù hợp với các đối tượng phạm tội đặc biệt này. Qua quá trình nghiên cứu các tài liệu và các công trình nghiên cứu khoa học đã giúp tôi hoàn thiện đề tài, từ đó có thể đưa rút ra kết luận sau:

Thứ nhất, cần quan tâm tốt tới việc xây dựng CSHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Thứ hai, chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục ý thức pháp luật trong nhà trường

Thứ ba, quan tâm hơn nữa trong việc thực hiện và áp dụng công tác giáo dục và hướng dẫn việc thực hiện CSHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Thứ tư, người dưới 18 tuổi phạm tội, trong trường hợp cần thiết thì vẫn phải áp dụng hình phạt đối với họ. Áp dụng hình phạt đối với người phạm tội dưới 18 tuổi cần hiểu là việc xác định các hình phạt cụ thể để áp dụng đối với người phạm tội dưới 18 tuổi sau khi đã tuyên án đối với họ.

Nghiên cứu CSHS đối với người phạm tội dưới 18 tuổi trong pháp luật hình sự Việt Nam qua các thời kỳ và trong Bộ luật Hình sự năm 2015 hiện nay ta thấy CSHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ngày càng được hoàn thiện và đảm bảo được tính nhân đạo, nó phù hợp với chủ thể đặc biệt này của pháp luật hình sự. Các CSHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đều mang tính nhân đạo sâu sắc, thể hiện sự khoan dung, giúp họ sửa chữa sai lầm và trở thành người có ích cho xã hội. Nội dung của CSHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội qua các thời kỳ luôn có sự kế thừa và phát triển các quy định của pháp luật, qua đó thể hiện sự tiến bộ không ngừng trong kỹ thuật lập pháp cũng như trong tư tưởng của các nhà làm luật để đề cao chính sách nhân đạo nói chung và chính sách nhân đạo đối với người chưa thành niên nói riêng. Pháp luật hình sự Việt Nam đã không ngừng phát triển, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước và những yêu cầu của quá trình hội nhập quốc tế.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Hình sự nước CHXHCN Việt Nam ngày 27/6/1985;
2. Bộ luật Hình sự nước CHXHCN Việt Nam số 15/1999/QH10 ngày 21/12/1999;
3. Bộ luật Hình sự nước CHXHCN Việt Nam số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015;
4. Bộ Chính trị, Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020;
5. Bộ Chính trị, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020;
6. Bộ luật Hình sự Liên Bang Nga năm 1995; Khoản 2 Điều 58 và khoản 2 Điều 60
7. Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 1979; Điều 48
8. C.Mác và Ph.Angghen: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, 1995, tập 1;Tr232
9. Chỉ thị số 46-TH ngày 14/1/1969 của Tòa án nhân dân tối cao
10. Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em được Đại hội đồng Liên Hợp quốc thông qua ngày 20/11/1989;
11. Trần Thị Phương Dung, VKSND quận Phú Nhuận, “Điểm mới của Bộ luật Hình sự năm 2015 về miễn trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội”
12. Hồ Minh Đức, “Chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội ở Việt Nam hiện nay”, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội năm 2016
13. Hoàng Minh Đức, “Chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội của một số nước trên thế giới và liên hệ ở Việt Nam”, tạp chí khoa học giáo dục cảnh sát nhân dân tháng 10/2015

14. Hoàng Minh Đức (2016), Luận án Tiến sĩ “Chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội ở Việt Nam hiện nay”;
15. Phạm Hồng Hải(2000), “Các biện pháp tư pháp trong luật hình sự năm 1999 và vấn đề Bộ luật hình sự về trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp đó”, tạp chí Luật học
16. Phạm Hồng Hải, Tiếp tục hoàn thiện chính sách hình sự phục vụ quá trình đổi mới và xu thế hội nhập ở nước ta hiện nay, Tạp chí nhà nước và pháp luật, số 6/2002;
17. Nguyễn Ngọc Hoà, Lê Thị Sơn, Từ điển pháp luật hình sự, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2006;
18. Học viện Cảnh sát nhân dân, Giáo trình Tội phạm học, Hà Nội, 2002;
Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 04/NQ - HĐTP ngày 05/11/2004 Hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ ba “Xét xử sơ thẩm” của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003.
19. Phùng Thế Hùng, Tìm hiểu chính sách hình sự trong xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Tạp chí cảnh sát nhân dân, số 3/2004;
20. Phạm Văn Lợi chủ biên “Chính sách hình sự trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam” Nxb Tư pháp, năm 2007
21. Đặng Thanh Nga – Trương Quang Vinh (2011), Người chưa thành niên phạm tội – Đặc điểm tâm lý và chính sách xử lý, Nhà xuất bản Tư Pháp, Hà Nội;
22. Hồ Sĩ Sơn,(2004), “ Thi hành các biện pháp tư pháp không phải là hình phạt”, tạp chí Nhà nước và pháp luật T4/2004
23. Hồ Sĩ Sơn, “ Nguyên tắc nhân đạo trong pháp luật hình sự Việt Nam” Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện Nhà nước. Hà Nội
24. Hồ Sĩ Sơn, luật hình sự so sánh, sách chuyên khảo dành cho học viên cao học Nxb Chính trị quốc gia năm T4/2018
25. Trịnh Đình Thế(2006), “ Áp dụng chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội” Nxb Tư pháp, Hà nội

26. Phạm Thư, Chính sách hình sự và việc thực hiện chính sách hình sự ở nước ta, Luận án tiến sỹ luật học, Hà Nội 2005, tr56
27. Tòa án nhân dân tối cao, Bản tổng kết số 452-HS2 hướng dẫn việc xét xử đối với người chưa thành niên phạm tội giết người ngày 10/8/1970;
28. Tòa án nhân dân tối cao, Chuyên đề sơ kết kinh nghiệm về việc xét xử vụ án về người chưa thành niên phạm tội gửi kèm công văn số 37-NCPL ngày 16/01/1976;
29. Tòa án nhân dân tối cao (1975), Tập hệ thống hóa luật lệ về hình sự, Tập I (1945-1974), Hà Nội.
30. Tòa án nhân dân tối cao (1979), Hệ thống hóa luật lệ về hình sự, Tập II, Hà Nội.
31. Tuyên ngôn của Liên hợp quốc về Quyền trẻ em, năm 1959
32. Đào Trí Úc, Luật hình sự Việt Nam, quyển I, Những vấn đề chung, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000;
33. Võ Khánh Vinh, “Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội”, giáo trình Luật hình sự Việt Nam(Phần chung), Nxb Khoa học xã hội, năm 2014
34. Võ Khánh Vinh “Chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội” thuộc giáo trình Luật hình sự Việt Nam(Phần chung), Nxb Công an nhân dân, năm 2005
35. Võ Khánh Vinh (2015), Luật học so sánh, Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam. Viện khoa học xã hội, nhà xuất bản khoa học xã hội
36. Võ Khánh Vinh (T9/2015), Môn học Chính sách pháp luật, tạp chí nhân văn lực khoa học xã hội, Học Viện khoa học xã hội
37. Võ Khánh Vinh (T11/2015), Chính sách pháp luật: Khái niệm và các dấu hiệu, tạp chí nhân văn lực khoa học xã hội, Học Viện khoa học xã hội
38. Võ Khánh Vinh, Chính sách hình sự, tập bài giảng cao học, Học viện Khoa học xã hội